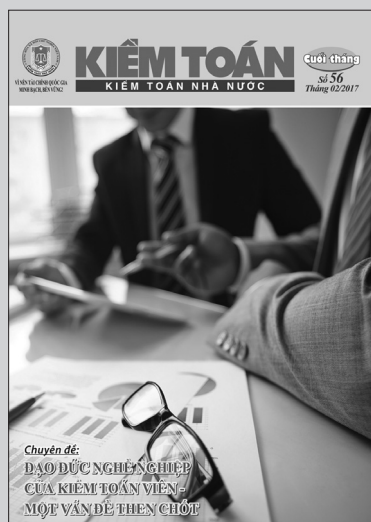




TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Thắng

ĐT: (04) 62820719

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Hồng Công

Mai Hải Đường

TRỤ SỞ

68 Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội

Email: kiemtoancuoithang@sav.gov.vn

ĐT: (04) 62820721 - Fax: (04) 62820708

TÀI KHOẢN

Báo Kiểm toán 2601 0000 056239

NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chi nhánh Tây Hà Nội

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ IN

Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012

của Bộ Thông tin và Truyền thông

IN TẠI

Công ty CP In KHCN mới

Giá: 15.000đ



KIỂM TOÁN cuối tháng

Số 56 - Tháng 02/2017

MỤC LỤC

CHÀO MỪNG NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG 3-2

Văn Hùng	Bồi đắp niềm tin	2
----------	------------------	---

TRÒ CHUYỆN CUỐI THÁNG

Nguyễn Trí Hiếu	KTNN cần thể hiện vai trò giám sát quá trình tái cơ cấu ngân hàng một cách mạnh mẽ hơn	4
-----------------	--	---

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Trần Văn Hiếu	Nên kiểm toán từ khâu dự toán đối với các khoản chi lớn của quốc gia	7
Nguyễn Minh Phong	Giải pháp nào cho 12 dự án nghìn tỷ?	8
Hồng Nhung	Đấu thầu cung ứng dịch vụ công ích tại các đô thị - tại sao không?	10
Minh Anh	Phí và lệ phí chuyển sang cơ chế giá sẽ không ảnh hưởng đến thu ngân sách	13
Thùy Anh	Cần giữ lửa cho phong trào Khởi nghiệp	15
Nhiều tác giả	Năm 2017: Thị trường dịch vụ kiểm toán sẽ tiếp tục tăng trưởng	18

CHUYÊN ĐỀ: ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN - MỘT VẤN ĐỀ THEN CHỐT

Đặng Văn Thanh	Kiểm soát đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên bằng nhiều biện pháp và nhiều cấp độ	22
Đặng Văn Hải	Tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho kiểm toán viên đáp ứng yêu cầu hiến định	25
Lê Thế Việt	Những nguy cơ vi phạm đạo đức trong quá trình hành nghề của kiểm toán viên	27
Đặng Thị Hoàng Liên	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp: Kinh nghiệm của KTNN Hoa Kỳ và bài học cho KTNN Việt Nam	29

TRAO ĐỔI

Nguyễn Quán Hải	Bàn về các mục tiêu và tiêu chí kiểm toán khi kiểm toán hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực y tế	32
-----------------	--	----

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Bắc Sơn	Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước thành phố Hải Phòng năm 2013: Đầu tư tràn lan trong bối cảnh hụt thu ngân sách	35
---------	--	----

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Ngọc Quỳnh	Toà Kiểm toán Rumani thực hiện kiểm toán hoạt động đối với hệ thống giao thông ngầm của thủ đô Bucharest	38
------------	--	----

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

* * *	Trang thơ	40
-------	-----------	----

Bồi đắp niềm tin

 **VĂN HÙNG**

Đất nước vừa đi qua một năm đáng nhớ. Năm của đầy ắp những sự kiện trong nước và quốc tế gây ấn tượng sâu sắc. Năm của biết bao niềm vui và nỗi buồn. Năm mà tình hình thế giới đầy biến động khôn lường. Năm của những khó khăn tưởng chừng khó vượt qua, những vấp vấp không kịp bù đắp, sai lầm khuyết điểm không dễ thứ tha. Nhưng vượt lên tất cả vẫn là sự chia sẻ, cảm thông và lượng thứ của nhân dân. Họ vẫn đón chào năm Con Gà - Đinh Dậu trong sự hưng phấn, niềm tin, hy vọng vào dự cảm tươi sáng của đất nước, dân tộc và Đảng quang vinh.

Niềm tin là sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ làm nên chiến thắng. Năm 2016 có thể được gọi là năm của những sự kiện quan trọng: thành công tốt đẹp của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, bầu cử Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021; Quốc hội phê chuẩn bộ máy lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước, Chính phủ. Đảng ban hành nhiều nghị quyết quan trọng, trong đó có Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tiếp tục triển khai việc học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.



Niềm tin là làm nên sức mạnh, là cơ sở để đoàn kết, quy tụ lực lượng triển khai hành động, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Năm 2016 là năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội XII, Đảng đã thể hiện bản lĩnh, quyết tâm chính trị của mình bằng chương trình phòng chống tham nhũng, lãng phí có hiệu quả. Bằng chứng là, một loạt vụ án kinh tế trọng điểm được khẩn trương điều tra, khởi tố, đưa ra xét xử; Đảng chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách tư pháp, nhiều vụ án oan sai được khắc phục, trả lại công bằng cho công dân cho dù với đời người cũng là quá muộn; gia đình, người thân họ phải gánh chịu bao tủ nhục, đắng cay, thiệt thòi, mất mát không thể bù đắp. Học tập tư tưởng, đạo đức,

phong cách Hồ Chí Minh, Đảng tăng cường, kiên trì khai triển công tác giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên thông qua việc phê và tự phê trong nội bộ Đảng, nhằm làm trong sạch bộ máy công quyền, nâng cao năng lực và uy tín của hệ thống chính trị; không phân biệt cấp bậc cao thấp, đảng viên thường hay đảng viên có chức quyền, địa vị xã hội. Đảng viên, người đứng đầu phải biết nêu gương, dám đi trước, đi đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực. Thông qua cuộc đấu tranh, tự kiểm dưới sự giám sát của xã hội, báo chí, cơ quan chức năng, không ít cán bộ, đảng viên có chức quyền bị xử lý kỷ luật nghiêm minh do tha hóa, biến chất, tự diễn biến, tự chuyển hóa hoặc bị diễn biến, bị chuyển hóa.

Mặc dù đây mới là kết quả bước đầu nhưng đó là tín hiệu tích cực được quần chúng nhân dân rất đồng thuận, hưởng ứng. Niềm tin vào chân lý “thượng tôn pháp luật” được nhân lên mạnh mẽ bởi quyết tâm chính trị của người đứng đầu Đảng đang triển khai trong tâm thế lạc quan có cơ sở và niềm tin vững chắc.

Cuộc đấu tranh không có điểm dừng, không kết thúc và không khoan nhượng với tiêu cực, tệ nạn xã hội xen cùng với phát hiện, biểu dương, nhân rộng cái tích cực, mặt tốt bước đầu đã tạo sức lan tỏa, từng bước đẩy lui, đè bẹp cái xấu, cái ác.

Thông điệp được Đảng, Chính phủ gửi tới toàn dân trước thềm Xuân mới năm nay là chỉ thị tiết kiệm, không phô trương, lãng phí trong hoạt động tổng kết, đón mừng thành tích cuối năm; là địa phương không bắn pháo hoa để dành tiền lo cho người nghèo; là cấm mọi hình thức tặng quà cấp trên... Hẳn sẽ còn những băn khoăn về tính khả thi của mệnh lệnh này vì nhiều năm qua, người đứng đầu Đảng, chính quyền một số địa phương cũng cụ thể hóa tinh thần ấy nhưng xem ra hiệu quả không như mong muốn. Năm nay đã khác. Xã hội sẽ giám sát và phản ánh khách quan kết quả thực thi ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư và Thủ tướng Chính phủ. Nhận ra thách thức của công việc trên, Tổng Bí thư đã dự cảm: “Lĩnh vực chính trị tư tưởng nó trừu tượng lắm, không đo đếm được. Trong

chiến tranh, ra trận sống chết biết ngay, còn bây giờ thì rất khó, có khi yêu bảo là ghét, ghét bảo là yêu... Nhiều khi trong đầu nghĩ thế nhưng lại không nói thế; nói thế mà lại không làm thế” (Tập chí Cộng sản, số 834, tháng 4.2012, tr 6). Đúng quá! Đó là những căn bệnh trầm kha thường diễn ra của một xã hội đánh mất sự trung thực với chính mình và người khác. Bài học lớn, có tính quy luật của thành công là Đảng, Chính phủ biết dựa vào dân, phát huy quyền hành của dân để giám sát hành động của cán bộ, đảng viên; họ là lực lượng nòng cốt ngăn chặn sự suy thoái, biến chất, tự diễn biến, tự chuyển hóa. Vì thế “Chúng ta phải phát động tư tưởng của quần chúng, làm cho quần chúng khinh ghét tội tham ô, lãng phí, quan liêu; biến hàng ức, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp mọi nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu còn chỗ ẩn nấp” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t 13, tr.419). Theo Thanh tra Chính phủ, dịp Tết vừa qua, chưa phát hiện vụ việc nào liên quan đến chuyện dùng tiền công quỹ để biếu tặng cấp trên. Việc cơ sở di chúc Tết cấp trên đã giảm hẳn. Nhiều bộ, ngành, các cơ quan Đảng ở Trung ương đã chỉ đạo bằng văn bản không tiếp khách, nhận quà trong dịp Tết. Những thông tin trên là những tín hiệu bước đầu đáng khích lệ. Niềm tin vào Đảng được bồi đắp qua mỗi việc làm

cụ thể, tạo đồng thuận rõ rệt của người dân.

Những thông điệp đầu Xuân của Đảng, Chính phủ cũng là mệnh lệnh của cuộc sống, yêu cầu sống còn của sự nghiệp đổi mới, để không tụt hậu nên đã chạm tới trái tim của mọi người dân đồng lòng, chung sức xây dựng quốc gia hưng thịnh. Đã từng có người suy đoán, ai tuổi Dậu, cầm tinh con Gà thường sẽ vất vả. Tôi lại nghĩ khác. Năm nay, đất nước mình, dân tộc mình sẽ có một năm làm ăn thuận lợi trong thế thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Gà đẻ trứng vàng cho ta niềm tin về những vụ mùa bội thu, nhà nhà có của ăn của để. Mỗi khi nói về đức tính tốt của con vật hiền lành dễ thương này, lại liên tưởng đến sự chịu thương chịu khó một nắng hai sương của người nông dân. Sự cần cù chịu khó, tiết kiệm, sáng tạo không ngừng, không chịu khuất phục bất cứ khó khăn nào trong cuộc sống của mỗi người con đất Việt nhằm bắt kịp thế giới hội nhập là cơ sở để vững tin, tương lai không xa, dân tộc Việt Nam sẽ sánh vai với bạn bè năm Châu, với các cường quốc trên thế giới.

Xuân đã về trên khắp mọi miền quê, trong mỗi ngôi nhà, ngõ xóm. Xuân ĐINH DẬU hứa hẹn cuộc sống an lành, thịnh vượng, ấm no, hạnh phúc. Đảng đã cho ta một mùa Xuân đầy ước vọng, một mùa Xuân mới tràn ánh nắng ban mai... Lời bài ca ấy cứ ngân vang mãi mỗi khi Xuân về trên đất nước Việt Nam yêu dấu.■

KTNN cần thể hiện vai trò giám sát quá trình tái cơ cấu ngân hàng một cách mạnh mẽ hơn

Trò chuyện với **TS. Nguyễn Trí Hiếu**, Chuyên gia Tài chính - Ngân hàng

Thưa ông, với tư cách một chuyên gia giàu kinh nghiệm trong ngành tài chính - ngân hàng, ông đánh giá như thế nào về tình hình điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong năm 2016 và đón đợi điều gì trong năm 2017?

Có thể nói, trong năm qua, điều hành chính sách tiền tệ của NHNN đã đạt được nhiều thành quả thông qua việc kiểm soát lạm phát và đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước. Các công cụ của chính sách tiền tệ, bao gồm: điều chỉnh lãi suất, tham gia thị trường mở, điều chỉnh tỷ giá cũng như việc ban hành các quy định liên quan đến tiền tệ và hoạt động của các ngân hàng, các công ty tài chính... đã góp phần rất lớn trong việc ổn định nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững.

Năm 2017 sẽ là năm đầy thách thức trong điều hành chính sách tiền tệ vì những yêu cầu không ngừng của nền kinh tế đang thay đổi nhanh chóng và những biến chuyển sắp tới của thị trường tài chính thế giới.

Về nội tại, giải quyết vấn đề nợ công ngày một tăng cao, bội chi ngân sách ngày một lớn, chính sách tiền tệ phải hỗ trợ và phối hợp với chính sách tài khóa



để đưa ra những giải pháp thích hợp. Tuy nhiên, đây không phải là việc dễ thực hiện bởi NHNN là cơ quan phụ trách chính sách tiền tệ với mục tiêu giữ vững sự ổn định tiền đồng và theo đuổi mục tiêu phát triển kinh tế bền vững. Với những mục tiêu tối hậu này, NHNN một mặt phải thực hiện chính sách tiền tệ một cách tương đối độc lập cho phù hợp với vai trò của một ngân hàng trung ương, mặt khác phải phối hợp với Bộ Tài chính để giúp thực hiện những chính sách tài khóa của Chính phủ. Vậy, đâu là giới hạn của sự tương hỗ này để NHNN vẫn thực hiện được mục tiêu tối hậu của chính sách tiền tệ? Cụ thể, NHNN muốn giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ các doanh nghiệp và nền kinh tế,

nhưng lãi suất Trái phiếu Chính phủ vẫn phải giữ ở mức cao thì liệu NHNN có thể giảm mặt bằng lãi suất xuống được không? Câu hỏi này đã là câu chuyện của những năm qua và sẽ tiếp tục là câu chuyện của năm 2017 cũng như những năm sau đó.

Về phía bên ngoài, thị trường tài chính thế giới chờ đợi nhiều biến động. Chính phủ mới của Mỹ sẽ đưa ra những chính sách kinh tế như thế nào, phản ứng của các Chính phủ và thị trường tài chính thế giới ra sao, sẽ là một ẩn số lớn. Theo đó, NHNN Việt Nam sẽ đặt vào thế phải đối phó với những biến động khó lường liên quan đến tỷ giá, nợ nước ngoài, đầu tư nước ngoài, vàng, giá dầu, kiều hối và xuất nhập khẩu. Liệu Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ sẽ tiếp tục tăng lãi suất ở mức độ nào và Chính phủ mới của Mỹ sẽ thi hành một chính sách bảo hộ mậu dịch cực đoan hay không? Thêm vào đó, đồng Nhân dân tệ có khả năng sẽ tiếp tục mất giá, sẽ tiếp tục tạo áp lực lên tỷ giá tiền đồng. Đây chỉ là điểm qua một vài yếu tố có khả năng xảy ra trong năm 2017, nhưng một điều gần như chắc chắn là, năm 2017 và những năm sau đó, điều hành chính sách tiền tệ sẽ gặp nhiều thách thức hơn.

Thưa ông, vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã quyết định dành gói tín dụng khoảng 50-60 nghìn tỷ đồng cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao với cơ chế vay thuận lợi, thông thoáng nhất. Ông đánh giá như thế nào về gói tín dụng này?

Tôi cho rằng, đây là một quyết định quan trọng và rất đáng hoan nghênh vì tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp công nghệ cao đối với sự phát triển của cả nền kinh tế. Cho vay với điều kiện thuận lợi, thông thoáng, nhất là với lãi suất thấp luôn là mong muốn của người nông dân và các doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch này không dễ dàng:

Thứ nhất, cho vay với lãi suất thấp đòi hỏi nguồn vốn giá rẻ. Tuy nhiên, trong bối cảnh năm 2017, việc hạ lãi suất sẽ khó khăn hơn khi thị trường huy động vốn vẫn đòi hỏi một lãi

suất cao hơn tỷ lệ lạm phát và ít nhất không thấp hơn lãi suất của Trái phiếu Chính phủ, nhưng cả hai yếu tố này được dự báo sẽ khó thấp hơn năm 2016.

Thứ hai, NHNN vừa chấm dứt gói 30.000 tỷ đồng tái cấp vốn cho các ngân hàng để hỗ trợ thị trường bất động sản, nay lại phải cấp một gói tín dụng 50-60.000 tỷ đồng để hỗ trợ nông nghiệp là điều không dễ trong điều kiện thị trường dự kiến sẽ không nhiều thuận lợi để giảm lãi suất.

Thứ ba, cho vay nông nghiệp có rất nhiều rủi ro: khí hậu, mùa màng, thị trường tiêu thụ trong nước và thị trường xuất khẩu luôn có biến động về giá cả, điều kiện thị trường... Đây là những yếu tố rủi ro mà các ngân hàng cho vay phải tính đến. Hơn nữa, bản thân nhà nông và các doanh nghiệp nông nghiệp thường ít vốn, cho vay không bảo đảm và thế chấp trong nông nghiệp là

điều khó thực hiện.

Bởi vậy, về giải pháp tôi cho rằng: một là, Chính phủ cần nâng cấp các quỹ bảo lãnh tín dụng để hỗ trợ ngân hàng trong hoạt động cho vay khu vực nông nghiệp. Hai là, nguồn tái cấp vốn có thể phải đến từ Trái phiếu Chính phủ với lãi suất thấp nhất có thể.

Hiện nay, quá trình tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2 (2016-2020) đang nhận được rất nhiều kỳ vọng. Cá nhân ông có thể đề xuất những giải pháp nào cho vấn đề này?

Trong giai đoạn 1 của quá trình tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng, NHNN đã thành công trong việc sáp nhập một số ngân hàng yếu kém, mua lại một số ngân hàng với giá 0 đồng và rút gọn hệ thống xuống còn 34 ngân hàng; hoạt động của hệ thống ngân hàng có phần lành mạnh và hiệu quả hơn. Tuy



nhiên, hiện tượng phạm pháp trong giới ngân hàng vẫn diễn ra, tổng số nợ xấu trong ngành bao gồm cả những món nợ đã bán cho VAMC vẫn rất lớn, hiện tượng sở hữu chéo, đầu tư chéo vượt quy định, công tác quản lý rủi ro (bao gồm cả rủi ro hoạt động) tại nhiều ngân hàng vẫn còn lỏng lẻo, những vụ kiện ngân hàng như việc khách hàng mất tiền trong tài khoản vẫn tiếp tục diễn ra, an ninh mạng vẫn là một vấn đề... Điều này chứng tỏ, kỷ cương của ngành ngân hàng còn nhiều lỗ hổng.

Tuy nhiên, năm 2017 và những năm tiếp theo cũng sẽ đem lại cho chúng ta nhiều cơ hội để tiếp tục quá trình tái cơ cấu. Với sự quyết tâm của Chính phủ mới trong cải cách ngân hàng, NHNN sẽ có thêm nhiều động lực để tiến hành tái cơ cấu. Nhưng, tái cơ cấu là một quá trình lâu dài, chúng ta cần xây dựng một chương trình hành động, bao gồm nhưng không giới hạn:

Thứ nhất, giải quyết vấn đề nợ xấu: chỉnh sửa các quy định pháp luật về tài sản bảo đảm và việc thanh lý tài sản bảo đảm để tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại xử lý và thu hồi nợ xấu nhanh chóng, hiệu quả; thiết lập thị trường mua bán nợ và các quy định pháp lý kèm theo để tài sản xấu này được trao đổi, mua bán trên thị trường thay vì “chất đọng” ở VAMC.

Thứ hai, giải quyết sự tồn tại của 3 ngân hàng đã được NHNN mua với giá 0 đồng: hỗ trợ những ngân hàng này có thể đứng vững trên đôi chân của chính mình thay vì phải vịn vào sự trợ lực từ một số ngân hàng thương mại có vốn nhà nước đã được NHNN chỉ

định hỗ trợ. Tôi cho rằng, một trong những cách giải quyết là bán những ngân hàng này cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Với ngân hàng không còn sức phục hồi, phát triển và không ai muốn mua, thì cách hay nhất là lên kế hoạch “giải thể trong trật tự” trong 2 năm tới. Bởi, việc tiếp tục duy trì những ngân hàng này sẽ là một gánh nặng cho NHNN và gây tổn phí cho nền kinh tế xã hội.

Thứ ba, xử lý nghiêm những hành động sai phạm, kể cả việc rút giấy phép hoạt động nếu những sai phạm đó gây tổn hại và đe dọa sự tồn tại của ngân hàng, hay vốn chủ sở hữu giảm xuống dưới mức có thể chấp nhận được. Trong trường hợp này, NHNN có thể tìm một ngân hàng tiếp quản ngân hàng đó với một mức giá thỏa thuận. Đây không phải là trường hợp phá sản ngân hàng mà là một biện pháp tiếp thu ngân hàng và bán cho một ngân hàng khác từ NHNN.

Thứ tư, trong năm 2017, các ngân hàng cần chuẩn bị những bước cần thiết để tham gia sản chứng khoán (chậm nhất là đầu năm 2018).

Thứ năm, tất cả các ngân hàng cần từng bước áp dụng những quy tắc và phương pháp quản lý rủi ro theo Basel II (muộn nhất là cuối quý I/2018).

Trong những năm qua, Kiểm toán Nhà nước (KTNN) đã tiến hành rất nhiều cuộc kiểm toán tại các ngân hàng thương mại. Năm 2017, Kiểm toán Nhà nước cũng sẽ tiếp tục kiểm toán tại 8 ngân hàng và các tổ chức tài chính, tín dụng. Ông đánh giá như thế nào về

vai trò của KTNN trong quá trình tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng?

Tôi cho rằng, vai trò của Kiểm toán Nhà nước cần phải được nâng cao và đánh giá đúng. Cho đến nay, Thanh tra NHNN đóng một vai trò chủ đạo trong quá trình tái cơ cấu các ngân hàng và một số cơ quan an ninh kinh tế lãnh trách nhiệm điều tra những sai phạm trên cơ sở kết quả thanh tra của NHNN.

Với vai trò của mình, KTNN cần thể hiện vai trò giám sát quá trình tái cơ cấu ngân hàng một cách mạnh mẽ và công khai hơn. KTNN có thể kiểm toán độc lập hay kiểm tra đồng thời với NHNN. KTNN cũng có thể thiết lập những chỉ tiêu và quy trình kiểm toán bổ sung so với những chỉ tiêu và quy trình thanh tra của NHNN. Sự tham gia kiểm toán của KTNN cùng với bộ phận thanh tra của NHNN sẽ làm cho công tác thanh tra, giám sát ngân hàng được khách quan và đầy đủ nhất.

Bằng kinh nghiệm của một chuyên gia tài chính, theo ông, trong năm nay chúng ta nên đầu tư vào lĩnh vực gì để có thể sinh lời tốt nhất?

Tôi cho rằng, trước mắt, chúng ta nên tạm thời gửi tiền vào ngân hàng để kiểm lời và để quan sát biến động trên thị trường tài chính toàn cầu. Sau đó, hãy đầu tư vào chứng khoán nếu thị trường chứng khoán có dấu hiệu tăng trưởng tốt trong 3 tháng đầu năm.■

Chân thành cảm ơn những chia sẻ của ông!

XUÂN HỒNG (thực hiện)

Nên kiểm toán từ khâu dự toán đối với các khoản chi lớn của quốc gia

 **TS. TRẦN VĂN HIẾU** - Thứ trưởng Bộ Tài chính

Kiểm toán Nhà nước (KTNN) được xem như một “người đồng hành” của Quốc hội với những đóng góp rất tích cực vào công tác quản lý tài chính ngân sách. Gần như tất cả các lĩnh vực kiểm toán của KTNN đều liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến ngành tài chính. Bởi thế, Bộ Tài chính rất trân trọng tất cả các ý kiến và báo cáo kiểm toán của KTNN. Dù có bận đến mấy, tôi cũng đọc hết các báo cáo kiểm toán được gửi sang. Tất cả các kết luận, kiến nghị của KTNN thuộc lĩnh vực phải trả lời hay phối hợp, chúng tôi đều thực hiện rất kịp thời. Điều đó đã trở thành cái nếp, không chỉ trong năm 2016 mà từ những năm trước đó.

Trước hết, trong lĩnh vực kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước, tôi cho rằng, chúng ta đã phối hợp rất tốt. Các cuộc kiểm toán ngân sách các cấp đều rất có ý nghĩa đối với thu chi ngân sách.

Thứ hai, việc KTNN phát hiện tăng thu hay giảm chi ngân sách cũng rất quan trọng. Đây là kết quả “miệng nói được, mắt nhìn thấy được”. Năm 2016, chúng tôi ghi nhận, con số này tương đối lớn so với các năm trước. Không dừng lại ở các con số, kết quả của KTNN còn giúp Bộ Tài chính xem xét lại các cơ chế, chính sách đã ban hành cũng như đã tham mưu cho Quốc hội. Chúng tôi cũng nhận thấy, theo năm tháng, có thể văn bản năm nay rất tốt nhưng năm sau lại hạn chế do thực tế phát sinh. Hơn ai hết, KTNN thực sự là “tai mắt”, sàng lọc tất cả các góp ý. Bởi vậy, Bộ Tài chính luôn trân trọng ý kiến của KTNN. Rất nhiều ý kiến chúng tôi đã sửa đổi ngay. Với những vấn đề cần thời gian, chúng tôi chỉ đạo bằng văn bản, hay cá biệt có thể tạm dừng. Trong các báo cáo kiểm toán của KTNN, đa phần các kiến nghị là chính xác. Một phần trong đó ngành tài chính cũng đã phát hiện và các ngành cũng đã thông tin, một phần do KTNN phát hiện để giúp Bộ Tài chính có thêm căn cứ.

Thứ ba, về vấn đề thẩm định giá trị doanh nghiệp, KTNN cũng làm khá tốt. Hiện nay, đối tượng còn lại của cổ phần hóa đa phần là các doanh nghiệp lớn và phức tạp, cho nên rất cần KTNN kiểm toán để xây dựng phương án cổ phần hóa. Chúng tôi đề nghị: Trong kế hoạch kiểm toán năm 2017, KTNN có thể

đưa vấn đề này vào. Vừa rồi, Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư trong lĩnh vực thẩm định giá và lĩnh vực kiểm toán. Hai lĩnh vực này đều có những khía cạnh khó. Bộ Tài chính đã bắt đầu ban hành, chấm điểm, công bố công khai, nhưng về góc độ chuyên môn, chúng tôi vẫn rất mong KTNN cùng phối hợp mạnh hơn nữa trong việc đánh giá chất lượng của kiểm toán độc lập và thẩm định giá. Nếu được, khi chấm thang điểm, KTNN cử người tham gia với Bộ Tài chính là tốt nhất. Điều quan trọng ở đây là KTNN sẽ giúp đấu giá công khai minh bạch giá trị niềm yết.

Thứ tư, trọng tâm của ngành tài chính trong năm 2017 là siết chặt kỷ cương thu, chi ngân sách. Tôi đề nghị, năm 2017, KTNN đẩy mạnh trọng tâm này, nhất là kỷ cương về chi ngân sách, chi tiêu tiết kiệm không chỉ ở các cấp ngân sách mà ở cả những đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán. Có một vấn đề đã có trong báo cáo của KTNN, nhưng chúng tôi vẫn muốn đề xuất để KTNN nghiên cứu. Đó là nên kiểm toán từ khâu dự toán đối với các khoản chi lớn của quốc gia, các dự án lớn hay các chương trình lớn, không nên để xảy ra thất thoát mới làm. Khoảng 5-10 năm trước, dự toán còn mang tính định hướng, nhưng bây giờ, khi làm xong dự toán là gần như đã xong 70-80%. Cho nên, dù kiểm toán quyết toán rất quan trọng, nhưng thường thì đó là lúc “mọi việc đã rồi”. Nếu được, tôi đề nghị KTNN dành thời gian giúp Bộ Tài chính kiểm soát dự toán.

Thứ năm, về khâu lập kế hoạch, từ trước đến nay KTNN đều tham gia và chúng ta đã phối hợp rất tốt. Thời gian tới, tôi mong muốn chúng ta phối hợp tốt hơn nữa. Chẳng hạn, trong quá trình kiểm tra, nếu chúng tôi có yêu cầu thì KTNN có thể cử chuyên gia sang phối hợp ngay từ đầu. Ngược lại, chúng tôi có thể cung cấp tư liệu và tư vấn thêm cho KTNN.

Thứ sáu, vấn đề đơn đốc thực hiện số thu nộp sau khi kiểm toán thường được Bộ Tài chính giao cho cơ quan thuế thực hiện. Trong năm 2016, tỷ lệ thu nộp đã cao, tuy nhiên, tôi cho rằng, với vai trò và quyền lực của KTNN thì con số này chắc chắn còn có thể tốt hơn nữa. ■

HỒNG NHUNG (ghi)

Giải pháp nào cho 12 dự án nghìn tỷ?

 TS. NGUYỄN MINH PHONG

Theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo Chính phủ về việc xử lý những tồn tại, yếu kém của các dự án nghìn tỷ thuộc các doanh nghiệp do ngành Công Thương quản lý, Bộ Công Thương đã yêu cầu Vụ Kế hoạch phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo cho Bộ về 12 dự án kém hiệu quả có nguy cơ đóng cửa, phá sản, bao gồm các dự án: Nhà máy sản xuất xơ sợi Đình Vũ, Nhà máy bột giấy Phương Nam, Nhà máy gang thép Thái Nguyên giai đoạn 2, Nhà máy nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất và Nhà máy đạm Ninh Bình, đạm Hà Bắc, đạm DAP Lào Cai, DAP Hải Phòng, Ethanol Bình Phước, Ethanol Phú Thọ, Nhà máy đóng tàu Dung Quất, Dự án liên doanh giữa đối tác mở Quý Sa và Nhà máy gang thép Lào Cai.

Theo báo cáo sơ bộ trước đây và cả trên thực tế, có thể thấy, lý do thua lỗ hay không hiệu quả khá đa dạng: Ngoài đầu tư dở dang vì thiếu vốn, lãi suất vay vốn lưu động tại ngân hàng và tỷ giá tăng, hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn do chi phí tăng cao, sản phẩm có sức cạnh tranh kém trong bối cảnh dư cung và giá bán giảm sâu; không ngoại trừ những lý do liên quan trực tiếp hay gián tiếp ít nhiều chi phối bởi lợi ích nhóm, gắn với sự hạn chế về năng lực và trách nhiệm, chất lượng xây dựng, thẩm định và cơ chế quản lý của các dự án... Ngoài ra, có thể còn bộc lộ thêm những lý do đặc thù cụ thể khác trong từng dự án.

Xử lý các dự án theo nhóm và theo cấp độ

Trên tinh thần quán triệt chủ trương, các quan điểm chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết số 05, Hội nghị Trung ương 4 Khóa XII là: “Kiên quyết xử lý các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ,

các dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp theo nguyên tắc và cơ chế thị trường”, những dự án này cần được xử lý dứt điểm theo đúng Nghị quyết của Quốc hội và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, nhằm kéo giảm nguy cơ mất vốn đầu tư, tiêu hao nguồn lực nhà nước, cũng như của xã hội.

Đặc biệt, cần có cái nhìn dài hạn về triển vọng cơ cấu kinh tế Việt Nam trong hội nhập và trong yêu cầu xây dựng nền kinh tế tự chủ, gắn mục tiêu kinh tế với mục tiêu tăng cường năng lực quốc phòng, bảo vệ tổ quốc và phát triển kinh tế biển.

Bởi vậy, một trong những nội dung cần làm ngay là tiến hành rà soát lại một cách nghiêm túc và khách quan cả 12 dự án. “Đặt lên bàn cân” tất cả các nguyên nhân, bóc tách, làm rõ đâu là nguyên nhân khách quan, chủ quan, đâu là trách nhiệm thuộc tập thể và cá nhân. Điều quan trọng, cần làm rõ sự cần thiết và

đánh giá tác động hai mặt của dự án, từ đó đưa ra các phương án giải quyết phù hợp; tập trung vào các giải pháp xử lý hiệu quả và khả thi nhất về tài chính, thị trường và quản trị doanh nghiệp.

Theo đó, có thể chia 12 dự án thành 3 nhóm khác nhau theo cấp độ cần thiết để xử lý riêng:

Thứ nhất, nhóm quan trọng, nên duy trì, như: chuyển Dự án nhà máy đóng tàu Dung Quất theo cơ chế kết hợp kinh tế với quốc phòng, trước mắt giao cho quân đội quản lý, đồng thời chuyển đổi mục đích đầu tư và cơ chế quản lý dự án nhà máy gang thép Thái Nguyên giai đoạn 2 sang thực hiện chủ yếu sản xuất thép đặc chủng, chuyên cung cấp cho đóng tàu, chế tạo vũ khí, thiết bị quân sự và tàu cá biển lớn, cũng như thép cao cấp phục vụ phát triển kinh tế, nhất là kinh tế biển đáp ứng nhu cầu đóng tàu vươn khơi hiện đang nóng cùng những ngành công nghiệp cơ khí chế tạo và hỗ trợ có nhu cầu ngày càng cao, có triển vọng xuất khẩu.

Thứ hai, nhóm cần thiết, đối với các dự án về sản xuất đạm và nhà máy nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol thì xử lý theo những nguyên nhân cụ thể, với tinh thần tiếp tục duy trì, thúc đẩy cổ phần hóa và đồng bộ các giải pháp nhằm cải thiện hoạt động của chúng, đáp ứng nhu cầu tương lai ngày càng tăng của đất nước, tiến tới xuất khẩu.

Thứ ba, nhóm linh hoạt, với các dự án khác có thể linh hoạt xử lý cụ thể theo từng dự án đúng tinh thần bảo đảm cơ chế thị trường và không để thất thoát tài sản quốc gia, khuyến khích thực hiện cổ phần hóa và các hoạt động M&A, thậm chí cho phá sản hoàn toàn theo kiểu “thà đau một lần còn hơn kéo dài”, gây lãng phí nguồn lực quốc gia...

Về lâu dài, cần tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý và đổi mới cơ chế quản lý nhằm xiết chặt kỷ cương và nâng cao chất lượng quản lý đầu tư công, chống các hành vi lạm dụng, cơ hội chủ nghĩa và tham nhũng chính sách trong quản lý các hoạt động đầu tư công nói riêng, quản lý kinh tế nhà nước nói chung, ngăn chặn ngay từ đầu, không cho phép lặp lại và “đề thêm” những dự án thua lỗ nghìn tỷ kiểu như vậy...

Cần loại bỏ lợi ích nhóm trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách

Thực tế cũng cho thấy, công tác tham mưu và xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật còn không ít hạn chế. Chất lượng một số văn bản luật còn thấp nên hay phải sửa đổi, bổ sung, thiếu ổn định. Đặc biệt, tình trạng cài cắm lợi ích nhóm, ngành trong khi tham mưu, xây dựng và thực

thi chính sách, pháp luật chưa được nhận diện đầy đủ và khắc phục triệt để, với những biểu hiện rất đa dạng và có mặt trong mọi cấp độ, lĩnh vực, từ công tác quản lý cán bộ, quy hoạch, đầu tư công và NSNN, đến các lĩnh vực quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp... Không ít cán bộ được bổ nhiệm thiếu minh bạch hoặc chỉ tuân thủ quy trình hình thức và không đáp ứng được cả về năng lực và trách nhiệm công vụ. Nhiều dự án đầu tư công không hiệu quả, gây thua lỗ, thất thoát, lãng phí và làm tăng nợ công cả ngàn tỷ đồng. Một số quy hoạch xây dựng bị phá vỡ và mất phương hướng, méo mó trong triển khai. Những yêu cầu quản lý bảo đảm an toàn và hài hòa lợi ích phát triển bền vững bị coi thường, tạo thêm áp lực quá tải hạ tầng và hệ lụy môi trường, cũng như các chi phí khắc phục đất đỏ về sau...

Có thể nói, “quốc nạn tham nhũng” với biểu hiện mới như: cài cắm lợi ích riêng, lợi ích nhóm trong công tác tham mưu, xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật, sớm hay muộn, trực tiếp hay gián tiếp là nguyên nhân của hàng loạt vấn đề không chỉ gây bức xúc xã hội, mà còn làm sai lệch bản chất chế độ, tha hóa cán bộ, đe dọa sự phát triển ổn định hệ thống thể chế và sự lành mạnh nền kinh tế-tài chính quốc gia. Các doanh nghiệp phải gồng mình với các gánh nặng chi phí đủ loại và nguy cơ bỏ lỡ cơ hội hoặc chậm cải thiện sức cạnh tranh kinh doanh. Năng suất lao động và hiệu quả đầu tư xã hội chậm được cải thiện, trong khi phân hóa và bất bình đẳng xã hội tăng lên. Sự đoàn kết và đồng

thuận xã hội bị tổn thương; Lòng dân không an; Năng lực, hiệu lực và uy tín quản lý nhà nước bị hạn chế, bị khai thác lạm dụng hoặc vô hiệu hóa...

Để pháp luật vì lợi ích chung của xã hội, cần coi trọng hoàn thiện và tuân thủ nghiêm túc quy trình xây dựng luật; Bảo đảm vừa tăng tính chuyên nghiệp, khách quan, vừa tăng tính liên ngành và trách nhiệm cá nhân trong tham mưu, dự thảo, thẩm định, phản biện, đánh giá tác động hai mặt và thực thi các chính sách và luật định, giảm thiểu tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi”. Việc trao quyền luôn phải gắn với làm rõ trách nhiệm cá nhân và cơ chế kiểm soát quyền lực thực tế. Công tác hoàn thiện pháp luật phải gắn với tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Luật pháp, chính sách phải phản ứng kịp thời hơn với mọi thay đổi, biến động của đời sống xã hội, thực sự trở thành động lực quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ, minh bạch, khả thi, giảm thủ tục hành chính, các rào cản để giảm chi phí thực thi cho người dân, doanh nghiệp.

Thực tiễn đã, đang và sẽ luôn đòi hỏi một cơ chế hiệu lực và hiệu quả thực tế cao, chống lại mọi sự cài cắm lợi ích riêng, lợi ích nhóm, tăng cường bảo vệ lợi ích quốc gia, toàn xã hội trong quá trình tham mưu, xây dựng và thực thi luật pháp, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế ngày càng đầy đủ, sâu, rộng hơn. ■

Đấu thầu cung ứng dịch vụ công ích tại các đô thị - tại sao không?

 **HỒNG NHUNG**

Thời gian qua, truyền thông và dư luận từng nóng lên với câu chuyện mỗi năm Hà Nội phải chi 800 tỷ đồng chỉ để cắt cỏ (riêng 24km đại lộ Thăng Long đã “ngốn” 53 tỷ đồng một năm), 1/4 dân cư thủ đô bị mất nước sạch do đường ống Sông Đà vỡ gần 20 lần, Thành phố Hồ Chí Minh “chỉ còn một điểm ngập duy nhất là toàn thành phố”... Điều đó cho thấy, những nhu cầu về dịch vụ công ích



(DVCI) luôn là một vấn đề cấp thiết tại các đô thị Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, hầu hết những dịch vụ này lại chỉ được cung cấp bởi các doanh nghiệp nhà nước hoặc các doanh nghiệp có nguồn gốc nhà nước (sau cổ phần hóa), không thông qua đấu thầu rộng rãi và hầu như chưa “mở cửa” cho doanh nghiệp tư nhân.

Khi cơ chế đặt hàng vẫn ở thể độc tôn

DVCI là một trong ba loại hình dịch vụ công tại Việt Nam bên cạnh dịch vụ hành chính công và dịch vụ sự nghiệp công. Hiện, DVCI tại các đô thị chủ yếu nằm ở Danh mục B, bao gồm: cấp thoát nước, vận tải công cộng, chiếu sáng, quản lý công viên, trồng và chăm sóc cây xanh...

Dịch vụ công nằm trong khái niệm hàng hóa công (public

goods), đó là những dịch vụ có hai thuộc tính chính là không loại trừ (tất cả mọi người đều có quyền sử dụng) và không cạnh tranh (có nghĩa việc tiêu dùng của người này không làm ảnh hưởng/giảm tiêu dùng của người khác). Những dịch vụ có cả hai thuộc tính này là dịch vụ công thuần khiết. Tuy nhiên trên thực tế, số dịch vụ công thuần khiết lại rất ít, chẳng hạn như phòng chống dịch bệnh, an ninh quốc

gia... Những dịch vụ không thỏa mãn hoàn toàn hai điều kiện trên và có ích cho cộng đồng được gọi là những dịch vụ công không thuần khiết.

Trên thế giới, phân loại dịch vụ công là khác nhau, nhưng nhìn chung quan niệm dịch vụ công bao gồm các dịch vụ do Chính phủ trực tiếp cung cấp cho người dân hoặc tài trợ cho việc cung cấp các dịch vụ ấy. Vai trò của Nhà nước trong khu vực này nhằm

đảm bảo các dịch vụ công cơ bản được cung cấp cho xã hội ở một mức độ và chất lượng tối thiểu chấp nhận được (tùy điều kiện mỗi nước); đảm bảo tính công bằng cho người dân (những nhóm yếu thế cũng được thụ hưởng các dịch vụ thiết yếu như y tế, giáo dục... ở mức tối thiểu); tạo ra các điều kiện khung để khuyến khích đầy đủ chức năng điều phối từ sự cạnh tranh cũng như việc sẵn sàng cung cấp các dịch vụ công; đảm bảo sự kiểm tra, giám sát việc cung ứng dịch vụ công.

Tại Việt Nam, quy mô thị trường DVCI tại các đô thị là rất lớn và có xu hướng tăng nhanh. Hiện nay, gần 100% các DVCI vẫn đang được đặt hàng theo kế hoạch cho các doanh nghiệp nhà nước hoặc các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa, chưa “mở cửa” thực sự cho các doanh nghiệp ngoài nhà nước thông qua phương thức đấu thầu công khai.

Chỉ tính riêng Hà Nội, khoảng trên 4.000 tỷ đồng ngân sách mỗi năm được chi cho các DVCI như: thu gom vận chuyển rác thải, duy trì công viên, cây xanh, thoát nước và xử lý nước thải đô thị... Trong đó, 2.000 tỷ đồng thuộc ngân sách thành phố, phần còn lại do ngân sách quận, huyện chi theo phân cấp. Đây cũng là thực tế phổ biến tại nhiều đô thị lớn của Việt Nam. Tuy nhiên, theo đánh giá của ông Đậu Anh Tuấn, Trưởng ban Pháp chế Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), chất lượng DVCI hiện nay đang tỷ lệ nghịch với chi phí bỏ ra.

Trưởng ban Chính sách Dịch vụ công, CIEM, Nguyễn Mạnh Hải cho biết, trên thực tế, tổng chi phí DVCI của một số tỉnh,

thành phố tăng nhanh, chẳng hạn Hà Nội, tăng từ 2.950 tỷ đồng/năm 2014 lên 3.314 tỷ đồng/năm 2015 và 4.529 tỷ đồng/năm 2016. Đến năm 2015, Hà Nội mới có 3,8% giá trị đầu tư cho DVCI được thực hiện thông qua đấu thầu, còn lại vẫn theo hình thức đặt hàng, điển hình như lĩnh vực chiếu sáng 100%, thoát nước 100%, vệ sinh môi trường 98,4%, xử lý nước thải 81,6%... Phương thức đặt hàng cũng phổ biến tại Bắc Ninh và nhiều địa phương khác.

Ông Vũ Thừa Ân, Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng thừa nhận, chúng ta đang thực hiện chính sách đặt hàng nhiều DVCI. Tuy nhiên, cái khó ở đây là không có định mức kinh tế kỹ thuật để làm căn cứ xác định giá. Bên cạnh đó, theo ông Ân, bài học về hợp đồng của Nhà nước với doanh nghiệp trong sự cố vỡ ống nước sông Đà nhiều lần là ví dụ. Nguyên tắc của thị trường, nếu đã có hợp đồng giao kết mà để xảy ra sự cố thì phải đền bù hợp đồng.

Theo Nghị định 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì Nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch, đấu thầu DVCI theo giá hoặc phí do Nhà nước quy định. Tuy nhiên, sau 3 năm thực hiện Nghị định, tỷ lệ đấu thầu không đáng kể, thậm chí, không có khái niệm đấu thầu trong cung ứng DVCI tại nhiều địa phương.

Theo ông Đậu Anh Tuấn, nguyên nhân của tình trạng này không chỉ là những trở ngại từ khung khổ pháp lý mà còn từ sự hoài nghi, thói quen và cả những

ràng buộc lợi ích. Không ít người luôn luôn e ngại về năng lực của khu vực kinh tế tư nhân. Họ lo ngại về những hệ quả xảy ra như nếu doanh nghiệp tư nhân cung cấp không đủ, không đúng với yêu cầu, lo ngại về sự lỏng lẻo quản lý khi họ không phải là công ty trực thuộc bộ máy nhà nước.

Một chuyên gia của Bộ Giao thông vận tải cho biết, ngoại trừ đấu thầu thì các cơ chế đặt hàng, giao kế hoạch, đơn giá, định mức... về bản chất vẫn là chỉ định thầu đơn vị thực hiện nên khó tránh khỏi cơ chế xin-cho, khép kín. Vì vậy, chất lượng và giá cả dịch vụ khó có tính cạnh tranh, hiệu quả đầu tư không đảm bảo, khả năng làm hài lòng người sử dụng thấp...

Đấu thầu dịch vụ công ích - giải pháp hàng đầu để xóa bỏ thể độc tôn

Quy chế đấu thầu trong cung ứng sản phẩm, DVCI đã được ban hành tại Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 130/2013/NĐ-CP (tiền thân là Nghị định 31/2005/NĐ-CP ngày 11/03/2005), tuy nhiên cho đến nay, việc thực hiện cơ chế này phần lớn vẫn... nằm trên giấy.

Là một doanh nghiệp tư nhân tham gia cung ứng DVCI, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền cho rằng, Nghị định 130/2013/NĐ-CP còn nhiều bất cập. Theo quy định của khoản 1, Điều 5 thì cơ chế đấu thầu được xếp đứng đầu tính theo thứ tự ưu tiên khi lựa chọn phương thức cung ứng sản phẩm, DVCI. Tuy nhiên theo Điều 10, việc tổ

chức đấu thầu chỉ được thực hiện khi đáp ứng một số điều kiện cụ thể. Điều này dẫn tới, một số cơ quan quản lý nhà nước và một số doanh nghiệp đang thực hiện DVCI cố tình lách luật để không phải áp dụng phương thức đấu thầu.

Được đánh giá là lĩnh vực dễ thực hiện xã hội hóa nhất trong ba lĩnh vực dịch vụ công, việc xã hội hóa thành công DVCI sẽ tạo tiền đề cho các lĩnh vực công còn lại. Muốn vậy, theo ông Nguyễn Đình Cung, - Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), chúng ta cần thay đổi từ quản lý “đầu vào” theo cơ chế hành chính sang quản lý “đầu ra” theo cơ chế thị trường để tạo dư địa cho các doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, tăng lợi nhuận và nâng cao sức cạnh tranh trong cung ứng DVCI. Đồng quan điểm, ông Đậu Anh Tuấn cũng cho rằng, nên lấy sức ép của thị trường làm thước đo khi cải cách DVCI.

Mặc dù theo nội dung Nghị định 130/2013/NĐ-CP, Chính phủ đã giao các cơ quan quản lý có trách nhiệm quy định cụ thể về chất lượng, quy cách, định mức, giá và đơn giá để thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng. Tuy nhiên về cơ bản, cung ứng DVCI vẫn đang thực hiện theo cách thức cũ mà chưa có sự thay đổi căn bản về phương thức giá, nghiệm thu và thanh toán hợp đồng (các hợp đồng đặt hàng chỉ quan tâm tới từng phần chi phí cấu thành nên giá trị hợp đồng mà chưa quan tâm đến đơn giá của sản phẩm DVCI cuối cùng). Đây là nguyên nhân không khuyến khích các doanh nghiệp trong việc cải tiến công

nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng như tiết kiệm chi phí cho ngân sách nhà nước.

Bởi vậy, theo ý kiến của các chuyên gia, thời gian tới, cần sửa đổi Nghị định 130/2013/NĐ-CP theo hướng có thể áp dụng rộng rãi hơn cơ chế đấu thầu DVCI, tránh tạo thế độc tôn cho doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực này. Nhà nước cũng nên quy định cụ thể những trường hợp nào được áp dụng phương thức đặt hàng hoặc giao kế hoạch. Tất cả các trường hợp còn lại đương nhiên phải thực hiện thông qua đấu thầu tương tự như Luật Đấu thầu. Khuyến khích áp dụng các hình thức hợp đồng với giá hợp đồng và phương thức nghiệm thu theo nguyên tắc Nhà nước quản lý đơn giá, chất lượng của sản phẩm, dịch vụ cuối cùng.

Thực tế, việc đấu thầu thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh là một ví dụ. Tổng giá trị hợp đồng so với giá trị gói thầu tại Quận Bình Tân giảm 48% (2 lần đấu thầu), Quận Tân Phú giảm 11% (3 lần đấu thầu). Tại huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, tỷ lệ tiết kiệm từ công tác đấu thầu cung ứng DVCI luôn đạt trên 60% (năm 2016)...

Phó Chánh Văn phòng Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương Ngô Bích Thủy cũng thừa nhận, từ năm 2015, 100% việc duy tu, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống quốc lộ đã được chuyển từ cơ chế đặt hàng sang đấu thầu. Qua đấu thầu đã cho thấy sự công khai, minh bạch trong công tác lựa chọn đơn vị thực hiện, tạo ra cơ chế giám sát, phản biện của xã hội đối với chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, đấu thầu còn giúp

tiết giảm chi phí cũng như tăng hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước đối với công tác này.

Bên cạnh những ưu điểm, đấu thầu DVCI cũng khiến người ta không khỏi băn khoăn. Thực tế, có những góc khuất đằng sau việc đấu thầu là sự móc nối giữa một số quan chức nhà nước với công ty tư nhân tham gia đấu thầu DVCI, khiến giá dịch vụ tăng lên mà hiệu quả công việc không tăng. Bài học kinh nghiệm trên thế giới cũng cho thấy, nếu tư nhân hóa 100% DVCI thì doanh nghiệp có thể gây sức ép với chính quyền để tăng giá, dẫn tới lũng đoạn. Bởi vậy, khuyến cáo của nguyên Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 2 hoàn toàn có cơ sở: Chúng ta khuyến khích đấu thầu trong cung ứng DVCI nhưng phải có cơ chế kiểm soát minh bạch, tránh doanh nghiệp sãn sau.

* * *

Tái cơ cấu dịch vụ công (trong đó có DVCI) là một trong bốn trọng tâm của tái cơ cấu nền kinh tế thời gian tới. Nhiều chuyên gia nhận định, việc chuyển từ cơ chế đặt hàng sang cơ chế đấu thầu cung ứng DVCI là bước tiến quan trọng để xóa bỏ thế độc tôn của doanh nghiệp nhà nước, chuyển dịch vụ này gần hơn với cơ chế thị trường. Tuy nhiên, để đấu thầu DVCI thực sự phát huy tác dụng, nói như ông Nguyễn Đình Cung, “chúng ta cần có sự giám sát minh bạch, công khai và công bằng. Phải tiết kiệm từng đồng xu của ngân sách, của người dân. Mỗi đồng tiền thuế đều phải tạo ra một giá trị nào đó chứ không phải để giải ngân và không quy trách nhiệm cho ai”. ■

Phí và lệ phí chuyển sang cơ chế giá sẽ không ảnh hưởng đến thu ngân sách

 MINH ANH

Từ ngày 01/01/2017, 17 khoản phí và lệ phí được chuyển sang cơ chế giá do Nhà nước định giá. Ông Vũ Khắc Liêm, Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế, Bộ Tài chính cho biết, do hầu hết giá các dịch vụ này được giữ nguyên so với mức phí, lệ phí hiện hành nên việc chuyển đổi sẽ không ảnh hưởng đến số thu ngân sách nhà nước (NSNN).

17 loại phí, lệ phí chuyển sang cơ chế giá

Theo Luật Phí và lệ phí được Quốc hội thông qua tháng 11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Luật.

Ngày 11/11/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 149/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá. Nghị định 149 quy định thẩm quyền và hình thức định giá của Bộ trưởng các bộ và của UBND tỉnh đối với danh mục các sản phẩm, dịch vụ chuyển từ phí sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá.

Trong số 17 loại phí, lệ phí được chuyển sang cơ chế giá do Nhà nước định giá, Chính phủ giao thẩm quyền định giá cho 06



bộ (Tài chính, NN&PTNT, GTVT, LĐT&XH, Công Thương, Y tế) quy định giá 10/17 hàng hóa, dịch vụ, đó là: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (do Trung ương quản lý); Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật, thực vật; Dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; Dịch vụ sử dụng đồ, phà; Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga; Dịch vụ hoa tiêu, dẫn đường (trừ dịch vụ hoa tiêu, dẫn đường công ích sử dụng Ngân sách trung ương do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch); Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải

(bao gồm dịch vụ đăng kiểm phương tiện thiết bị giao thông vận tải và các công trình khai thác, vận chuyển dầu khí biển); Dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; Dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y; Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng; Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc dùng cho người sử dụng; Dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán.

Đồng thời, Chính phủ cũng giao UBND tỉnh quy định 9/17 hàng hóa, dịch vụ: Sản phẩm,

dịch vụ công ích thủy lợi (do địa phương quản lý); Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; Dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; Dịch vụ sử dụng đồ, phà; Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga; Dịch vụ trông giữ xe; Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng ngân sách nhà nước).

Hình thức định giá gồm khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu và giá cụ thể.

Định giá không làm xáo trộn hoạt động của tổ chức và người dân

Ông Nguyễn Văn Truyền, Phó Cục trưởng Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính cho biết, thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ theo quy định và đảm bảo mục tiêu kiềm soát lạm phát, ổn định kinh tế trong giai đoạn đầu thực hiện cơ chế giá, về cơ bản mức giá các hàng hóa, dịch vụ (do Bộ Tài chính quy định) bằng mức phí đang thực hiện năm 2016. Một số ít giá dịch vụ được quy định thấp hơn hoặc được tính thêm một số chi phí theo lộ trình. Ví dụ như: giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo mức đang thực hiện năm 2016; cơ bản mức giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho thực vật so với mức phí đang quy định đều thấp hơn hoặc bằng mức phí

hiện hành; giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật áp dụng cho năm 2017 mới tính đến chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định; giá dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải và các mức giá dịch vụ cơ bản được giữ nguyên như mức thu phí hiện hành vì hầu hết mức phí này đều được xây dựng trên cơ sở bù đắp chi phí và mới được Bộ Tài chính ban hành từ năm 2013 đến 2015. Cơ bản các mức giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán cho 23 nhóm dịch vụ (bỏ 03 dịch vụ so với hiện hành) được giữ ổn định như mức thu phí hiện hành vì các mức phí đã được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ các chi phí cung ứng dịch vụ, một số mức giá dịch vụ đã được điều chỉnh giảm nhằm hỗ trợ cho các thành viên thị trường như giảm mức giá dịch vụ giao dịch trái phiếu thông thường, giá dịch vụ giao dịch mua bán lại repo trái phiếu; bỏ mức trần giá dịch vụ môi giới đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ; không quy định mức tối thiểu đối với giá dịch vụ đấu giá do Sở GDCK cung cấp...

Đại diện Cục quản lý giá khẳng định: như vậy, về cơ bản, việc chuyển từ phí sang giá do Nhà nước định giá không làm xáo trộn hoạt động cung ứng dịch vụ của đơn vị và việc sử dụng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân.

Ông Nguyễn Anh Tuấn, Cục trưởng Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính cho biết thêm, khi chuyển từ phí và lệ phí sang cơ chế giá,

các dịch vụ này sẽ sử dụng phương pháp tính giá theo Luật giá, đồng thời, Nhà nước sẽ không trực tiếp hỗ trợ đối với các dịch vụ này. Trong đó, các nhóm mặt hàng Nhà nước còn định giá sẽ được tính đúng, tính đủ chi phí cung ứng dịch vụ, trường hợp cần tăng giá sẽ phải thực hiện theo lộ trình. Các dịch vụ Nhà nước không định giá thì thực hiện theo cơ chế thị trường. Ông Tuấn nhấn mạnh, khi chuyển cơ chế quản lý giá (nhà nước định giá) đối với hàng hóa dịch vụ từ phí, lệ phí, cơ quan quản lý cố gắng giữ nguyên mức thu, không ảnh hưởng đến NSNN.

Ngoài ra, Nghị định 149 chỉ quy định lập quỹ bình ổn giá đối với mặt hàng xăng, dầu tiêu thụ nội địa và bỏ quy định lập quỹ bình ổn giá đối với mặt hàng điện, thóc, gạo tẻ thường.

Cùng với đó, Nghị định 149 đã bãi bỏ quy trình rà soát văn bản kê khai giá. Theo ông Truyền, việc này nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức sản xuất kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Với việc này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ tăng cường hậu kiểm mức giá kê khai để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, Bộ Tài chính cũng sẽ tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành, đơn vị trong hoạt động nghiên cứu, đánh giá để xây dựng giá dịch vụ cho phù hợp với đặc thù của từng ngành, từng dịch vụ và diễn biến thị trường. ■

Cần giữ lửa cho phong trào Khởi nghiệp

 THÙY ANH



Chính phủ Việt Nam quyết định năm 2016 là Năm quốc gia khởi nghiệp. Kết quả là, lần đầu tiên trong một năm, Việt Nam đã có hơn 110.000 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 16,2% với số vốn đăng ký là 891.094 tỷ đồng, tăng 48,1% so với cùng kỳ năm 2015. Con số này cho thấy, chủ trương cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp của Chính phủ đã từng bước đi vào cuộc sống và khởi nghiệp đã trở thành một phong trào đầy hứng khởi.

Khởi nghiệp đã được thổi lên thành phong trào...

Làn gió khởi nghiệp tiếp tục lan sang năm 2017. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong tháng 1/2017, cả nước có 8.990 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký đạt 90,3 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1% về số doanh nghiệp và tăng 52,3% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ

năm 2016. Tính bình quân trong tháng 1, mỗi ngày có 290 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới. Dự kiến, các doanh nghiệp này sẽ tạo thêm 104.100 việc làm cho xã hội.

Trước đó, vào tháng 10/2016, tại lễ phát động chương trình "Thanh niên khởi nghiệp" giai đoạn 2016 – 2021 và ngày hội thanh niên khởi nghiệp, Thủ

tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh: "Khởi nghiệp là một trong những thước đo thành công của Chính phủ kiến tạo. Chưa bao giờ khởi nghiệp được sự quan tâm của Chính phủ và toàn bộ hệ thống chính trị như lúc này. Chưa bao giờ khởi nghiệp có những điều kiện thuận lợi như lúc này". Đó cũng là một trong những lý do

chính dẫn đến kết quả nói trên.

Trao đổi với báo chí vào những ngày đầu xuân 2017, ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho biết, kết quả khảo sát mạng lưới khởi nghiệp toàn cầu cho thấy, ở Việt Nam có 76% người trưởng thành cho rằng doanh nhân được xã hội tôn trọng, 74% số người trưởng thành có mong muốn trở thành doanh nhân, và cứ 5 người trưởng thành ở Việt Nam thì 1 người có kế hoạch sẽ khởi nghiệp trong 3 năm tới. Những chỉ số này cho thấy Việt Nam là một trong những nước có tinh thần khởi nghiệp hàng đầu thế giới. Do đó, 5 năm tới Việt Nam nên xác định là 5 năm quốc gia khởi nghiệp, 5 năm cả nước tập trung toàn lực phát triển doanh nghiệp. Theo định hướng đó, Chính phủ cần có những giải pháp chính sách và hành chính quyết liệt để giảm mạnh rủi ro và chi phí, đặc biệt là chi phí không chính thức để bảo đảm an toàn và “khoan sức” cho doanh nghiệp.

Ông Lộc cũng cho rằng, khởi nghiệp đang trở thành một phong trào, một trào lưu của nền kinh tế Việt Nam. 8 từ của nền kinh tế Việt Nam trong những năm tiếp theo sẽ là “Chính phủ kiến tạo và toàn dân khởi nghiệp”. Vấn đề khởi nghiệp, đặc biệt là khởi nghiệp sáng tạo đang trở thành một yêu cầu quan trọng nhất của nền kinh tế Việt Nam. Trước hết, để thực hiện mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam cần có tối thiểu 1 triệu doanh nghiệp. Điều này cũng có nghĩa là trong 5 năm, chúng ta phải tăng gấp đôi số doanh nghiệp; trong 5 năm sẽ làm việc bằng cả 30 năm Đổi mới.

Rất cần kế hoạch hành động cụ thể để “giữ được lửa”

Số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký tăng đột biến trong năm qua cho thấy niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp vào môi trường kinh doanh đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, để niềm tin này mở ra những cơ hội thực sự, cộng đồng doanh nghiệp cần có những chính sách thiết thực hơn nữa.

Những thành công của năm khởi nghiệp quốc gia 2016 sẽ là tiền đề để Việt Nam thực hiện mục tiêu trên. Điều quan trọng nhất ở đây là làm sao để càng ngày càng có nhiều doanh nghiệp bắt đầu công việc kinh doanh theo tinh thần khởi nghiệp, đó là đổi mới, sáng tạo trong ứng dụng công nghệ và phương thức quản lý. Theo cách nói của doanh nhân Phạm Nhật Vượng, chủ tịch HĐQT Tập đoàn Vingroup là: “Luôn muốn mình và mọi nhân viên giữ được tinh thần của những ngày đầu tiên”. Đó cũng là lý do khiến ông Vượng đổi slogan của Tập đoàn từ “Nơi tinh hoa hội tụ cùng phát triển” thành “Mãi mãi tinh thần khởi nghiệp” để “mọi người giữ mãi ngọn lửa ấy, ý chí ấy, tinh thần làm việc ấy”.

Trên thực tế, các phong trào thường có tính hai mặt. Bề nổi của hoạt động phong trào là nhanh chóng thu hút được nhiều người tham gia rồi dừng lại ở đó, không tạo ra giá trị vật chất hay giá trị tinh thần đáng kể nào. Việc doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong năm quốc gia khởi nghiệp đạt mức kỷ lục là một tín hiệu đáng mừng. Thôi được lửa, làm dậy lên được phong trào đó đã là một việc

khó, nhưng làm sao giữ được lửa để nó không sớm thoái trào và để phát triển bền vững là một việc rất khó khăn, không phải phong trào nào cũng duy trì được. Hy vọng Khởi nghiệp không phải là một phong trào như thế.

Tại cuộc họp trực tuyến cuối năm 2016 giữa Chính phủ với các địa phương, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đã chỉ đạo: Khâu yếu nhất của chúng ta là tổ chức thực hiện, vì vậy ngay từ tháng 1/2017, các bộ ngành, địa phương phải ban hành kế hoạch hành động, có đơn vị, cơ quan chủ trì cụ thể. Thường xuyên kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch đã đề ra, chủ động xử lý hoặc đề xuất cấp trên để xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh.

Năm 2017, với chủ trương nhất quán về việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, Chính phủ sẽ tiếp tục hoàn thiện thể chế để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trên tinh thần lấy doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ. Cụ thể là, Chính phủ sẽ hoàn chỉnh, trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh; ban hành Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017; tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, nếu cần thiết sẽ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với giai đoạn tới. Chỉ đạo rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, kiên quyết bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không còn phù hợp; có chính sách hỗ trợ đặc thù để

phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp; đẩy nhanh tiến độ và chất lượng giải quyết kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự để tạo niềm tin cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; thanh tra, kiểm tra, giám sát cần có kế hoạch, tránh trùng lặp, chồng chéo, cần hướng tới mục tiêu hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư tuân thủ tốt các quy định của pháp luật... Chính phủ cũng đã yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Đây là sự khẳng định mạnh mẽ của Chính phủ liên chính, kiến tạo, hành động, phục vụ người dân và doanh nghiệp, thể hiện sự đồng hành, sát cánh của Chính phủ, góp phần tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Kinh nghiệm từ quốc gia khởi nghiệp Israel

Israel là một quốc gia nhỏ bé với diện tích 21.000 km² và hơn 8 triệu dân. Hơn nửa diện tích đất đai của quốc gia này là hoang mạc và bán hoang mạc, nửa còn lại là rừng và đồi dốc, ít tài nguyên thiên nhiên. Israel đã nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và trở thành một điển hình về phát triển nông nghiệp của thế giới. Chỉ trong thời gian ngắn, quốc gia này đã chuyển từ tình trạng thiếu lương thực đến tự túc lương thực, thực phẩm và trong 5 năm gần đây, giá trị sản xuất nông nghiệp của



quốc gia này luôn vượt con số 3,5 tỷ USD/năm, trong đó xuất khẩu chiếm trên 20%.

Chia sẻ với báo chí về kinh nghiệm khởi nghiệp của Israel, bà Meirav Eilon Shahar, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Israel tại Việt Nam cho biết, những năm 90, tại Israel không có quỹ đầu tư mạo hiểm nào, Chính phủ phải chịu trách nhiệm về những rủi ro từ hoạt động khởi nghiệp. Cuối thập niên 90, toàn bộ các hoạt động đầu tư mạo hiểm đã vận hành đầy đủ, Chính phủ hỗ trợ 85% cho một số chương trình khởi nghiệp vì khởi nghiệp rất rủi ro. Điều quan trọng là Chính phủ phải chấp nhận sự rủi ro này và coi sự thất bại trong khởi nghiệp là bài học kinh nghiệm.

Theo bà Shahar, để khởi nghiệp, trước tiên cần có ý tưởng đổi mới, sáng tạo. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp có ý tưởng tốt nhưng không biết cách kêu gọi đầu tư thì ý tưởng sẽ không trở thành hiện thực và đó là điều rất đáng tiếc. Tiếp theo, để khởi nghiệp thành công, doanh nghiệp cần có đội ngũ làm việc tốt và có mạng lưới cộng đồng khởi nghiệp.

Bà Shahar nhấn mạnh: tất cả chúng ta đều có giấc mơ thành công và không ai muốn thất bại khi khởi nghiệp, nhưng nếu điều đó xảy ra, chúng ta hãy làm lại từ đầu. Chúng tôi coi sự thất bại khi khởi nghiệp như một quá trình học hỏi kinh nghiệm, bạn hãy bắt đầu với ý tưởng mới, với đội ngũ làm việc mới ngay sau đó. Đây là cách mà người Israel đã làm và chúng tôi đã thành công.

Trong quan hệ song phương với Việt Nam, bà Shahar cho biết, việc hợp tác trong nông nghiệp là thế mạnh của hai bên. Hai nước đã thành công bước đầu trong việc chăn nuôi bò sữa tại Nghệ An và TP. HCM, trong nuôi thủy sản tại Cần Thơ và mới đây là hợp tác trong nuôi trồng thủy sản, rau sạch và chế biến sau thu hoạch tại Hà Tĩnh. Bên cạnh đó, Israel còn có chương trình đặc biệt dành cho Việt Nam, sinh viên năm thứ 3, 4 ngành nông nghiệp có thể đến Israel học thông qua làm việc và được trả lương trong 11 tháng. Hàng năm, có khoảng 750 sinh viên của Việt Nam được tham gia chương trình này. ■

Năm 2017: Thị trường dịch vụ kiểm toán sẽ tiếp tục tăng trưởng

Nhân dịp đầu Xuân 2017, phóng viên Đặc san Kiểm toán đã có cuộc gặp gỡ với đại diện lãnh đạo một số công ty kiểm toán để trao đổi về những vấn đề liên quan đến sự phát triển và hội nhập của thị trường kiểm toán trong năm vừa qua cũng như triển vọng trong thời gian tới. Đó là các ông: **Trần Anh Quân**, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH KPMG Việt Nam; **Nguyễn Thành Lâm**, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán RSM Việt Nam và bà **Mai Lan Phương**, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán BDO Việt Nam.

***PV:** Cho đến nay, nghề kế toán, kiểm toán Việt Nam đã tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN được hơn 1 năm. Dưới góc nhìn của những người lãnh đạo các doanh nghiệp kế toán, kiểm toán, ông/bà đánh giá như thế nào về khả năng cũng như mức độ hội nhập của các công ty kiểm toán Việt Nam trong thời gian qua?*

Ông Trần Anh Quân: KPMG Việt Nam là một thành viên của mạng lưới KPMG toàn cầu và là một trong 4 hãng kiểm toán lớn nhất thế giới. Vì hoạt động trong môi trường toàn cầu như vậy nên chúng tôi luôn đi tiên phong trong vấn đề hội nhập, luôn đầu tư tìm hiểu, nghiên cứu các xu hướng quốc tế và xu hướng hội nhập trong khu vực để tư vấn cho khách hàng của mình thực hiện được chiến lược hội nhập. Do đặc thù nghề nghiệp nên việc đầu tư cho đội ngũ nhân sự là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. KPMG khuyến khích tất cả nhân viên học tập để có các chứng chỉ quốc tế về kế toán, kiểm toán, đồng thời, công ty tài trợ kinh phí và dành thời gian cho nhân viên học tập, nghiên cứu để đạt được những chứng chỉ này. KPMG đặt mục tiêu: đến năm 2018, các nhân sự kiểm toán từ cấp trưởng phòng trở lên phải có chứng chỉ quốc tế về kế toán, kiểm toán.

Ở Việt Nam, có những thời điểm, các lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng đã thu hút nhân sự kế toán, kiểm toán nên chúng tôi cũng gặp khó khăn về nguồn nhân lực. Lúc đó, chúng tôi đã phải tuyển nhân sự từ các nước trong khu vực, tuy nhiên, việc này chỉ là tạm thời. Về lâu dài, chiến lược của chúng tôi vẫn là phát triển đội ngũ nhân

viên Việt Nam.

Tôi thấy rằng, đội ngũ kiểm toán viên của Việt Nam khi học và thi các chứng chỉ quốc tế thường đạt kết quả rất cao, thậm chí, nhiều người đạt điểm cao tầm cỡ thế giới và tỷ lệ học viên đạt các chứng chỉ quốc tế của Việt Nam còn cao hơn nhiều nước. Tuy nhiên, do chi phí để đạt chứng chỉ quốc tế khá cao, sinh viên mới ra trường và gia đình không có điều kiện thì khó có thể học được các chứng chỉ này. Nếu ứng cử viên được tuyển dụng vào các doanh nghiệp có chương trình đào tạo hoặc có chế độ cử đi học thì họ có nhiều cơ hội hơn để học các chứng chỉ quốc tế.

Ông Nguyễn Thành Lâm: Trong lĩnh vực kiểm toán, tôi thấy rằng, các chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam đã cập nhật được chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, chúng ta chưa thay đổi kịp khi chuẩn mực quốc tế thay đổi, đồng thời khả năng áp dụng cũng không đồng đều ở tất cả các công ty kiểm toán. Đối với 10 công ty kiểm toán đứng đầu thị trường thì đều có sự chuẩn bị lâu dài với tầm nhìn từ 5 đến 10 năm và đã tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.

Trong lĩnh vực kế toán, Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp đã thể hiện sự lạc hậu và khá vội vàng khi phải ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC bổ sung hướng dẫn một số nghiệp vụ liên quan đến hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 200.

Tôi cho rằng, đến nay, rào cản lớn nhất đối với đội ngũ kiểm toán viên Việt Nam là vấn đề ngôn

ngữ, do hầu hết kiểm toán viên được đào tạo trong môi trường của Việt Nam. Điều kiện thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên thì tiếng Anh cũng chỉ là lựa chọn, cho nên trình độ tiếng Anh của đội ngũ kiểm toán viên chưa tốt (trừ các công ty kiểm toán lớn).

Khi kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề quốc tế được tự do di chuyển trong các quốc gia ASEAN, công ty chúng tôi có tính đến phương án tuyển dụng nhân viên quốc tế, nhưng số lượng này sẽ không nhiều. Nếu RSM Việt Nam có đối tác là doanh nghiệp nước ngoài thì hầu hết nhân viên của doanh nghiệp đó vẫn là người Việt Nam. Chưa kể, các rào cản pháp lý của Việt Nam như yêu cầu kiểm toán viên quốc tế phải thông thạo các luật thuế hay Luật Kiểm toán của Việt Nam cũng là lý do khiến cho các kiểm toán viên nước ngoài khó có thể phát huy được khả năng của họ tại Việt Nam.

Bà Mai Lan Phương: Tôi thấy rằng, đội ngũ kiểm toán viên trẻ của Việt Nam rất có tiềm năng bởi lực lượng này được đào tạo tốt tại các trường đại học. Đa số kiểm toán viên có ngoại ngữ tốt, có thể tham khảo được các chuẩn mực quốc tế và cập nhật thông tin từ các Liên đoàn kế toán quốc tế. Tôi hoàn toàn tin tưởng ở lớp kiểm toán viên trẻ cũng như tin nghề kiểm toán sẽ rất phát triển trong tương lai.

BDO Việt Nam đã có người nước ngoài làm việc tại công ty. Trong tuyển dụng, BDO đều đặt ra những tiêu chí rất cụ thể như ứng viên đã tốt nghiệp đại học, người đang học các chứng chỉ quốc tế, riêng ngoại ngữ là yếu tố không thể thiếu. Trong 3 năm trở lại đây, nhân viên được tuyển dụng vào BDO bắt buộc phải có chứng chỉ IELTS 6.0 trở lên. Vì kế toán, kiểm toán là công việc rất vất vả nên ngoài những yếu tố nêu trên, BDO còn yêu cầu nhân viên phải có sức khỏe và điều kiện phù hợp với nghề nghiệp. Tôi khá lo lắng nếu như công ty mất nhiều thời gian và công sức đào tạo mà người lao động không gắn bó lâu dài ở đây.

PV: Ông/bà có ấn tượng như thế nào về thị trường dịch vụ kiểm toán năm 2016 và kỳ vọng gì về sự phát triển của thị trường này trong năm 2017?

Ông Trần Anh Quân: Theo tôi, năm 2016, thị trường dịch vụ kiểm toán vẫn ổn định và phát triển. Những năm gần đây, mặc dù nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam có những khó khăn nhất định nhưng nhu cầu kiểm toán, tư vấn vẫn rất cao. Hầu hết, doanh thu của các công ty kiểm toán trong và ngoài

nước năm sau đều cao hơn năm trước. Tôi tin rằng trong những năm tiếp theo, dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng và ngành kiểm toán sẽ còn phát triển hơn nữa.

Ông Nguyễn Thành Lâm: Có thể nói rằng, thị trường dịch vụ kiểm toán trong năm qua có khá nhiều biến động nhưng theo hướng tích cực. Mạng kiểm toán báo cáo tài chính đã ổn định và số lượng các công ty cổ phần hóa cũng hỗ trợ cơ hội kinh doanh cho các công ty kiểm toán. Đối với mảng kiểm toán quyết toán vốn đầu tư, sự thay đổi của Thông tư 09/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước đã tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ và tạo cơ hội việc làm cho kiểm toán viên cũng như hỗ trợ thị trường dịch vụ kiểm toán. Năm 2016 cũng đánh dấu sự thay đổi của Luật Kế toán, trong đó mảng kiểm toán nội bộ sẽ hứa hẹn tạo ra cơ hội tốt cho các công ty kiểm toán củng cố và phát triển vào thời gian tới. Nhìn chung, thị trường dịch vụ kiểm toán năm 2016 có những mảng màu tối, sáng, có những công ty có sự chuẩn bị tốt, có tầm nhìn tốt, lan tỏa được đến nhân viên. Những công ty này sẽ vượt qua được các thách thức, những công ty chuẩn bị chưa tốt sẽ gặp khó khăn.

Bà Mai Lan Phương: Tôi thấy rằng, năm 2016, thị trường dịch vụ kiểm toán vẫn phát triển khá tốt, bên cạnh các dịch vụ truyền thống như kiểm toán báo cáo tài chính thì mảng kiểm toán quyết toán vốn đầu tư cũng khá phát triển. Ngoài ra, thị trường này cũng còn nhiều đất để tăng trưởng bởi mảng dịch vụ tư vấn trong tỷ trọng doanh thu của hầu hết như các công ty kiểm toán chưa cao (ngoài nhóm Big4). Trong khi đó, tại các công ty kiểm toán trên thế giới, thông thường các dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn thuế, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp chiếm từ 50-60% tổng doanh thu. Tôi nghĩ rằng, khi Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng thì các doanh nghiệp càng cần sự minh bạch về hệ thống tài chính, cần tăng cường hoạt động quản trị của công ty, và các công ty kiểm toán có thể cung cấp những dịch vụ này. Công ty kiểm toán muốn làm được việc này phải có nhân sự tiếp cận được các doanh nghiệp, tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp biết họ đang hạn chế ở điểm nào và họ cần thay đổi như thế nào để công ty phát triển tốt hơn.

Trong thời gian tới, chúng tôi rất kỳ vọng ở mảng đầu tư nước ngoài, đặc biệt là đối với nhóm

khách hàng Hàn Quốc và Nhật Bản, nhóm công ty này chủ yếu hoạt động với quy mô công ty gia đình. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhắm đến nhóm khách hàng kinh doanh tốt, muốn tham gia thị trường vốn ở Việt Nam để tư vấn cho họ hoàn thiện hệ thống quản trị, hoàn thiện chính sách tài chính trước khi niêm yết trên sàn chứng khoán. Từ khi thành lập đến nay, BDO đã có những bước tiến tốt cả về doanh thu và đội ngũ, trung bình mỗi năm, BDO tăng trưởng từ 15 đến 20%. Năm 2016, BDO đã nhận được khá nhiều hợp đồng về tư vấn quản trị và mảng này đã góp phần làm cho doanh thu của công ty năm tăng 20% so với năm ngoái.

PV: Vừa rồi, ông Lâm có nhắc đến cơ hội kiểm toán từ các công ty cổ phần hóa. Vậy, ông/bà có thể cho biết thêm, chủ trương cổ phần hóa (CPH) DNNN trên thực tế đã có tác động như thế nào đến các công ty kiểm toán? Ông/bà có ý tưởng gì để việc CPH đạt hiệu quả cao hơn?

Ông Trần Anh Quân: Khi các DNNN được CPH sẽ có sự thay đổi căn bản về tính chất sở hữu, phải thực hiện cơ chế quản trị doanh nghiệp theo hướng của cơ chế thị trường cũng như phải áp dụng các chuẩn mực kế toán để cung cấp thông tin phù hợp cho các nhà đầu tư... Các công ty kiểm toán và tư vấn có thể hỗ trợ các doanh nghiệp CPH lập chiến lược và triển khai những công việc này. Vì vậy có thể nói, việc CPH DNNN cũng tạo thêm cơ hội phát triển cho các công ty kiểm toán.

Hiện nay, Việt Nam đã có khoảng gần 800 doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán, trong đó có nhiều doanh nghiệp DNNN được CPH, nhiều doanh nghiệp đã có nền tảng quản trị khá tốt khi CPH, sau CPH họ có thể phát triển hơn, thậm chí phát triển khá nhanh như Vinamilk, Vietcombank... Tôi nghĩ, cơ quan quản lý cần đưa thêm ra thị trường nhiều doanh nghiệp có chất lượng cao vì thực tế vẫn còn nhiều doanh nghiệp tốt nhưng chưa được CPH. Ngoài ra, Chính phủ cũng nên nới rộng hơn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và tư nhân khi CPH, bởi nếu CPH mà cổ đông nước ngoài và tư nhân chỉ chiếm tỷ lệ quá nhỏ thì sẽ không phát huy được hiệu quả tối đa vì có thể doanh nghiệp vẫn duy trì hoạt động theo cơ chế cũ.

Ông Nguyễn Thành Lâm: Tôi cho rằng, việc CPH DNNN đang diễn ra chậm chỉ có tác động

đến một số công ty kiểm toán. Bởi lẽ, quá trình CPH chủ yếu tạo ra các dịch vụ về thẩm định giá hay các dịch vụ tư vấn CPH nên ảnh hưởng lan tỏa của quá trình này không quá lớn.

Về khâu thẩm định giá trị doanh nghiệp trước khi CPH, tôi vẫn thấy rất đáng lo ngại vì mục đích của việc thẩm định giá là giúp nhà đầu tư có cơ sở tốt để ra quyết định. Tuy nhiên, do sự lạc hậu của các chuẩn mực về thẩm định giá, chất lượng nguồn nhân lực cũng như sự giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước còn lỏng lẻo nên chất lượng dịch vụ của mảng này được người sử dụng đánh giá không cao, dẫn đến khó phát triển. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác CPH doanh nghiệp, việc cải thiện chuẩn mực thẩm định giá chỉ là một phần, vấn đề quan trọng hơn rất nhiều là hoạt động giám sát việc thực thi chính sách của các doanh nghiệp.

Bà Mai Lan Phương: Theo tôi thấy, quá trình CPH cũng tạo ra cho thị trường kiểm toán khá nhiều công việc. Một DNNN chuyển sang công ty cổ phần phải trải qua nhiều bước, đầu tiên là tư vấn cho doanh nghiệp xử lý tình hình tài chính, sau đó đến khâu định giá và tiến hành cổ phần; sau cổ phần phải thực hiện sắp xếp lao động; xây dựng phương án cho nhóm cổ đông chiến lược, cổ đông phổ thông tham gia; rồi xây dựng chiến lược phát triển công ty hậu CPH. Sau khi CPH, các công ty này phải hoạt động theo nguyên tắc thị trường và họ tiếp tục cần các công ty kiểm toán tư vấn tài chính, tư vấn chiến lược, nhân sự, đặc biệt là hệ thống quản trị nội bộ...

Theo quan sát của tôi, rõ ràng chủ trương của Chính phủ là đẩy nhanh tiến độ CPH nhưng trên thực tế việc này không được thực hiện như mong đợi. Vì vậy, cơ quan quản lý cần có các bước kiểm soát chặt chẽ để việc CPH đảm bảo tiến độ. Tôi gặp không ít khách hàng của các công ty kiểm toán, dù đã định giá xong hàng năm, phương án CPH đã trình sở tài chính nhưng vẫn chưa thể tiến hành đại hội cổ đông vì vẫn phải chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bởi vậy, cơ quan quản lý cần phải xem xét trong tiến trình đó có khâu nào chậm trễ hoặc doanh nghiệp vướng mắc ở đâu để tháo gỡ kịp thời, giúp họ đẩy nhanh tiến độ CPH.

PV: Xin trân trọng cảm ơn ông/bà! ■

THÙY ANH (thực hiện)

ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN - MỘT VẤN ĐỀ THEN CHỐT

Kiểm soát đạo đức nghề nghiệp
của kiểm toán viên bằng nhiều
biện pháp và nhiều cấp độ

Tăng cường giáo dục đạo đức
nghề nghiệp cho kiểm toán viên
đáp ứng yêu cầu hiện định

Những nguy cơ vi phạm đạo đức
trong quá trình hành nghề
của kiểm toán viên

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp:
Kinh nghiệm của KTNN Hoa Kỳ
và bài học cho KTNN Việt Nam

Kiểm soát đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên bằng nhiều biện pháp và nhiều cấp độ



PGS, TS. ĐẶNG VĂN THANH

Chủ tịch Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam



Auditor

Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán của các kiểm toán viên là yếu tố khá căn bản trong hoạt động của Kiểm toán Nhà nước (KTNN), có vai trò hỗ trợ và mang tính quyết định chất lượng của kiểm toán. Trong quá trình làm việc, các kế toán viên, kiểm toán viên phải chịu rất nhiều áp lực từ việc phải đối mặt với không ít hành vi trái pháp luật hay các quy định, trái với các chuẩn mực nghề nghiệp. Họ có thể rơi vào tình huống ủng hộ hành vi quản lý phi đạo đức, nói dối hay cung cấp thông tin không chính xác cho đơn vị quản lý, hoặc lập các báo cáo tài chính không chính xác một cách trọng yếu. Việc vi phạm đạo đức nghề nghiệp có thể do nguy cơ từ lợi ích bản thân, nguy cơ từ sự đánh giá chủ quan, nguy cơ từ sự quan

hệ thân thiết, và nguy cơ từ sự đe dọa. Vì vậy, rất cần phải tăng cường kiểm soát đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nói chung và kiểm toán viên nhà nước nói riêng.

Trước hết, cần hiểu biết và tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của chuẩn mực, quy tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán

Ở Việt Nam, vai trò quan trọng của phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán được khẳng định bằng việc Bộ Tài chính đã ban hành và công bố Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam theo Quyết định số 87/2005/QĐ-BTC ngày 01/12/2005. Tổng Kiểm toán Nhà nước cũng đã có Quyết định số 01-2014/QĐ ngày 7-5-2014 ban hành Chuẩn mực kiểm toán

nhà nước số 30: Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Mục đích của chuẩn mực là quy định các nguyên tắc, nội dung và hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên, nhằm đảm bảo đạt được những tiêu chuẩn cao nhất về trình độ chuyên môn, về mức độ hoạt động và đáp ứng được sự quan tâm ngày càng cao của nhân dân, của Nhà nước.

Các nguyên tắc cơ bản của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, gồm:

Độc lập: trong quá trình hoạt động kiểm toán, kiểm toán viên nhà nước phải thực sự độc lập, khách quan, không bị chi phối hoặc tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan và độc lập trong ý kiến, kiến nghị của kiểm toán. Kiểm toán viên nhà nước không chỉ độc lập đối với đơn vị được kiểm toán, đối với các nhóm lợi ích khác, mà phải thực sự khách quan khi lựa chọn chủ đề kiểm toán, thu thập bằng chứng kiểm toán và xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động kiểm toán. Kiểm toán viên nhà nước không được nhận làm kiểm toán ở những đơn vị mà bản thân có quan hệ kinh tế, hoặc đã từng tham gia điều hành, quản lý,

hoặc có quan hệ gia đình ruột thịt (như có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) là người trong bộ máy quản lý điều hành (thủ trưởng đơn vị, trong ban lãnh đạo, kế toán trưởng, các trưởng, phó phòng và các cấp tương đương) trong đơn vị được kiểm toán. Trong quá trình hoạt động kiểm toán, nếu có sự hạn chế về tính độc lập thì kiểm toán viên phải tìm mọi cách loại bỏ sự hạn chế này. Nếu không thể loại bỏ được thì kiểm toán viên phải báo cáo người có thẩm quyền để giải quyết và phải nêu rõ điều này trong báo cáo kiểm toán.

Liên chính: Liên chính là giá trị cốt lõi của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Trong hoạt động kiểm toán, kiểm toán viên nhà nước phải công minh, chính trực, thẳng thắn, có bản lĩnh và chính kiến rõ ràng.

Khách quan: Người làm kế toán và người làm kiểm toán phải công bằng, tôn trọng sự thật và không được thành kiến, thiên vị. Cần xem xét một cách đầy đủ tất cả các yếu tố liên quan và các yếu tố trọng yếu, đảm bảo các bằng chứng thu thập được, các ý kiến đánh giá, xác nhận, kiến nghị thật sự thuyết phục và căn cứ chứng minh.

Năng lực chuyên môn và tính thận trọng: Hoạt động kiểm toán là hoạt động chuyên môn có tính chuyên nghiệp rất cao, vì vậy Kiểm toán viên nhà nước phải có trình độ chuyên môn cần thiết, có hiểu biết không chỉ với pháp luật, kiến thức kinh tế, tài chính, kế toán mà phải có kỹ năng cần thiết về nghiệp vụ kiểm tra, phân tích... Kiểm toán viên có nhiệm vụ duy trì, cập nhật và nâng cao kiến thức trong hoạt động thực

tiễn, trong môi trường pháp lý và các tiến bộ kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu công việc.

Tính bảo mật: Kiểm toán viên phải bảo mật các thông tin có được trong quá trình kiểm toán; không được tiết lộ bất cứ một thông tin nào khi chưa được phép của người có thẩm quyền, trừ khi có nghĩa vụ phải công khai theo yêu cầu của pháp luật hoặc trong phạm vi quyền hạn nghề nghiệp của mình.

Tư cách nghề nghiệp: Kiểm toán viên phải trau dồi và bảo vệ uy tín nghề nghiệp, không được gây ra những hành vi làm giảm uy tín nghề nghiệp.

Tuân thủ chuẩn mực chuyên môn: Kiểm toán viên nhà nước phải thực hiện công việc kiểm toán theo những kỹ thuật và chuẩn mực chuyên môn đã quy định trong chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, quy định của hội nghề nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

Thứ hai, cần quán triệt quan điểm kiểm soát đạo đức nghề nghiệp kiểm toán trên cơ sở 4 yêu cầu cơ bản của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Sự tín nhiệm: Nâng cao sự tín nhiệm của xã hội đối với hệ thống thông tin tài chính nhà nước đã được kiểm toán và ý kiến của KTNV về chất lượng, độ tin cậy của thông tin tài chính.

Tính chuyên nghiệp: Tạo lập sự công nhận của xã hội, của Quốc hội, Chính phủ và các đối tượng được kiểm toán về tính chuyên nghiệp của người làm kiểm toán.

Chất lượng hoạt động kiểm toán: Đảm bảo chất lượng kiểm toán đạt được các chuẩn mực cao nhất, với sự hài lòng và tin cậy

cao nhất của công chúng.

Sự tin cậy: tạo ra sự tin cậy của người sử dụng dịch vụ kế toán, kiểm toán về khả năng chi phối của chuẩn mực đạo đức đối với việc cung cấp các dịch vụ đó.

Thứ ba, tăng cường bồi dưỡng và kiểm soát đạo đức nghề nghiệp KTV của KTNV theo hướng sử dụng các biện pháp ngăn chặn các vi phạm đạo đức nghề nghiệp, tạo ý thức thường trực của KTV về giữ gìn, trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

Phòng ngừa và ngăn chặn những vi phạm về đạo đức nghề nghiệp kiểm toán cần được coi trọng cả về quan điểm tư tưởng và cả những hành động thực tế. Bên cạnh việc thiết kế và xây dựng các quy tắc, quy trình, thủ tục tiến hành các hoạt động kiểm toán, cần quan tâm, tuyên truyền, bồi dưỡng về đạo đức và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Cần làm cho các kiểm toán viên hiểu, nắm được các yếu tố cấu thành của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, để duy trì, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tăng cường kiểm soát đạo đức nghề nghiệp, cần tổ chức thường xuyên liên tục các khóa huấn luyện bồi dưỡng về đạo đức và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán.

Thứ tư, việc kiểm soát đạo đức nghề nghiệp KTV của KTNV, cần thực hiện bằng nhiều biện pháp, nhiều công cụ, từ nhiều phía và nhiều cấp độ.

Đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nhà nước bao gồm nhiều nội dung và được thể hiện dưới nhiều hình thái cụ thể. Vì vậy, để kiểm soát đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nhà nước, cần được thực hiện

bằng nhiều biện pháp, nhiều công cụ và từ nhiều phía và nhiều cấp độ khác nhau:

- Về biện pháp kiểm soát, bên cạnh biện pháp về pháp lý, hành chính, cần kiểm soát bằng biện pháp xây dựng các cơ chế trách nhiệm, các quy trình nghiệp vụ, các biện pháp giáo dục, bồi dưỡng nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự giác của mỗi kiểm toán viên. Bên cạnh những biện pháp cứng, cần triển khai những biện pháp mềm, tạo lập và duy trì lòng tự trọng, lòng yêu nghề và ý thức trách nhiệm của kiểm toán viên nhà nước.

- Về các công cụ kiểm soát, cần sử dụng tổng hợp các công cụ, từ công cụ pháp lý, công cụ nghiệp vụ, đến các công cụ kiểm tra, kể cả kiểm tra trực tiếp và kiểm tra gián tiếp. Cần xem các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán là công cụ vừa mang tính pháp lý, vừa mang tính giáo dục cho các kiểm toán viên nhà nước. Các kiểm toán viên phải thấm nhuần, thấu hiểu và tự giác tuân thủ nghiêm, thường trực các quy định và hướng dẫn của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

- Về lực lượng tham gia kiểm soát đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên, phải có sự tham gia của lãnh đạo KTNN, của các đơn vị thuộc KTNN, của đoàn, tổ kiểm toán, của các tổ chức nghề nghiệp và của bản thân nhóm công tác, của từng kiểm toán viên. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới và thực tế của Việt Nam trong nền kinh tế chuyển đổi đã cho thấy Tổ chức nghề nghiệp có vai trò quan trọng và tác động tích cực trong việc bồi dưỡng, giữ gìn và kiểm soát đạo đức nghề nghiệp của kiểm

toán viên. Với tư cách là Hội viên hội nghề nghiệp, hơn ai hết, kiểm toán viên sẽ tự ý thức về phẩm chất, danh dự hội viên và chịu sự quản lý của Hội nghề nghiệp về đạo đức nghề nghiệp khi hành nghề kế toán và kiểm toán.

- Về các cấp độ kiểm soát đạo đức nghề nghiệp, cần có sự kiểm soát trực tiếp của lãnh đạo các cấp, có sự quản lý vừa trực tiếp, vừa gián tiếp của tổ chức nghề nghiệp. Đồng thời, kiểm toán viên vừa chịu sự kiểm soát mang tính hành chính của tổ chức Kiểm toán Nhà nước, vừa chịu sự kiểm soát và đánh giá về đạo đức hành nghề của các cơ quan dân cử, của các cơ quan nhà nước; vừa chịu sự kiểm soát của các cơ quan giao nhiệm vụ, vừa chịu sự đánh giá của các tổ chức, cá nhân sử dụng kết quả kiểm toán, trong đó có đông đảo nhân dân, những người đóng góp và sử dụng tài chính quốc gia.

Thứ năm, coi trọng các phương pháp kiểm soát đạo đức nghề nghiệp KTV của KTVN theo hướng kiểm soát mềm bằng chính danh dự, lòng tự trọng của KTV và các tổ chức KTVN.

Cùng với các biện pháp mang tính pháp lý và hành chính, cần tăng cường tuyên truyền và giáo dục đạo đức nghề nghiệp kiểm toán viên. Phải làm cho mỗi kiểm toán viên luôn ý thức về vai trò, vị thế của mình trên cương vị công tác và trách nhiệm nghề nghiệp. Chính các biện pháp giáo dục, nâng cao lòng tự trọng nghề nghiệp là biện pháp mềm có hiệu quả khơi dậy và thường trực lòng tự trọng, danh dự nghề nghiệp của kiểm toán viên. Mọi biện pháp kiểm soát bằng hành chính đều mang tính

tính thế, không bền vững và dễ nảy sinh các hành vi đối phó. Hơn nữa, bằng biện pháp hành chính không thể quản lý và kiểm soát được suy nghĩ và hành động của kiểm toán viên trong điều kiện họ thường xuyên phải công tác độc lập, xa cơ quan, hoạt động trong từng nhóm công tác nhỏ. Vì vậy, các kiểm toán viên rất cần nâng cao trách nhiệm, tự giác và tự giữ gìn phẩm chất của mình trước các cám dỗ, các lời mời chào, các đề nghị.

Thứ sáu, tăng cường vai trò và trách nhiệm của tổ chức nghề nghiệp trong bồi dưỡng, nâng cao và kiểm soát đạo đức nghề nghiệp KTVNN.

Là một tổ chức xã hội-nghề nghiệp, Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thúc đẩy và tham gia tạo lập các yếu tố của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, chủ động mở cửa và hội nhập với nghề nghiệp kế toán, kiểm toán các nước trên thế giới và trước hết là các nước trong khu vực.

Trong xã hội dân sự, trong cơ chế quản lý kinh tế mới, Nhà nước chuyển giao một số chức năng quản lý cho các tổ chức nghề nghiệp, trong đó có chức năng quản lý nghề nghiệp kế toán và kiểm toán. Tổ chức nghề nghiệp quản lý chất lượng dịch vụ và kiểm soát đạo đức nghề nghiệp không chỉ giảm nhẹ gánh nặng cho Nhà nước, để Nhà nước tập trung vào hoạch định chính sách và quản lý kinh tế vĩ mô mà còn là biện pháp hữu hiệu trong quản lý nghề nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán. ■

Tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho kiểm toán viên đáp ứng yêu cầu hiến định



TS. ĐẶNG VĂN HẢI

Vụ Pháp chế, Kiểm toán Nhà nước

Hiến pháp sửa đổi năm 2013 có nhiều điểm mới tiến bộ, thể hiện rõ và đầy đủ hơn bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước và của chế độ. Những sửa đổi, bổ sung trong Hiến pháp rất toàn diện, sâu sắc, đồng bộ về kinh tế và chính trị. Một trong những nội dung mới, mang tính căn bản trong Hiến pháp sửa đổi là quy định về cơ quan Kiểm toán Nhà nước (KTNN). Việc bổ sung quy định về KTNN tại Điều 118 của Hiến pháp đã nâng tầm KTNN từ cơ quan do “*Luật định*” thành cơ quan “*Hiến định*”, nâng cao vị thế, vai trò của KTNN; đồng thời cũng nâng cao trách nhiệm của KTNN trong kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

Để nâng cao hiệu lực hoạt động đáp ứng yêu cầu hiến định, giải pháp quan trọng hàng đầu của KTNN là nâng cao chất lượng đội ngũ Kiểm toán viên (KTV), trong đó, tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho KTV nhà nước giữ vị trí then chốt. Kiểm toán là một nghề đòi hỏi người làm phải đáp ứng các yêu cầu cao về đạo đức, trình độ, năng lực, kinh nghiệm và khả năng xét đoán nghề nghiệp. Tổ chức quốc tế các cơ quan kiểm toán tối cao đã khuyến nghị: Cán bộ và nhân viên kiểm toán của Cơ quan kiểm toán tối cao phải có năng lực và tư cách đạo đức cần thiết để thực hiện đầy đủ



nhiệm vụ của mình. Khi tuyển dụng cán bộ làm việc cho Cơ quan kiểm toán tối cao, phải lưu ý thỏa đáng đến đòi hỏi về kiến thức, kỹ năng trên trung bình và kinh nghiệm nghiệp vụ phù hợp. Thực tiễn kiểm toán những năm qua cho thấy, hành vi đạo đức của Kiểm toán viên nhà nước là một trong những điều kiện quan trọng để đảm bảo uy tín của KTNN. Bất kỳ vi phạm nào về tư cách đạo đức nghề nghiệp hay bất kỳ một thái độ cư xử chưa thỏa đáng nào trong cuộc sống cá nhân của kiểm toán viên cũng ảnh hưởng tiêu cực đến tính liêm chính, chất lượng và hiệu lực của hoạt động kiểm toán; ảnh hưởng đến uy tín về năng lực và độ tin cậy của KTNN.

Trên cơ sở Tuyên bố Lima về hướng dẫn các nguyên tắc kiểm toán, bộ quy tắc đạo đức của Tổ chức quốc tế các cơ quan kiểm toán tối cao (INTOSAI), các chuẩn mực khác của INTOSAI, đặc điểm, yêu cầu quản lý cán

bộ, công chức, công vụ và hoạt động kiểm toán tại Việt Nam, KTNN đã ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp (CMK-TNN số 30) làm cơ sở định hướng cho các chuẩn mực kiểm toán khác trong hệ thống chuẩn mực KTNN.

Các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp

Theo quy định của CMK-TNN số 30, ngoài các yêu cầu chung về đạo đức của công chức, KTV nhà nước còn phải tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp: Liêm chính; độc lập, khách quan; trình độ, năng lực; kỹ năng chuyên môn; thận trọng nghề nghiệp và bảo mật.

Liêm chính: Trong hoạt động kiểm toán, KTV nhà nước phải công minh, chính trực, thẳng thắn, trung thực để có chính kiến rõ ràng; công bằng, tôn trọng sự thật, không thành kiến và thiên vị. KTV nhà nước không được nhận tiền, quà biếu và tránh các quan hệ xã hội có thể dẫn đến việc phải nhân nhượng trong kiểm toán...

Độc lập, khách quan: Trong hoạt động kiểm toán, KTV nhà nước phải thật sự độc lập, khách quan, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần khi kiểm toán và đưa ra kết luận, kiến nghị kiểm toán. Khi tiến hành kiểm toán, KTV nhà nước chỉ tuân

theo pháp luật, các chuẩn mực, quy trình, phương pháp chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán và các quy định khác của KTNN trong hoạt động kiểm toán...

Trình độ, năng lực: KTV nhà nước phải có sự am hiểu về hiến pháp, pháp luật, các nguyên tắc và chuẩn mực điều chỉnh hoạt động của đơn vị được kiểm toán; hiểu rõ quy định của pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính công; về quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước thuộc lĩnh vực, chuyên ngành được phân công kiểm toán. KTV nhà nước phải hiểu rõ quy định của pháp luật và quy định về hoạt động kiểm toán của KTNN; hiểu biết và tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, kế toán và quản lý tài chính, các quy trình và hướng dẫn thực hành theo yêu cầu của nhiệm vụ kiểm toán...

Kỹ năng chuyên môn: KTV nhà nước phải có các kỹ năng chuyên môn để thực hiện các công việc của một cuộc kiểm toán; có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên môn phù hợp với sự đa dạng, phức tạp của nhiệm vụ được giao. KTV nhà nước phải có kỹ năng lập kế hoạch, chương trình kiểm toán; kỹ năng thu thập, phân tích thông tin, thu thập bằng chứng kiểm toán; kỹ năng lập báo cáo kiểm toán, thuyết trình, thảo luận; thực hiện thành thạo các phương pháp nghiệp vụ kiểm toán và có khả năng sử dụng các phương tiện công nghệ hiện đại trong hoạt động kiểm toán.

Thận trọng nghề nghiệp: KTV nhà nước phải thực hiện công việc với sự thận trọng cần thiết trong mọi giai đoạn của

cuộc kiểm toán; phải có thái độ hoài nghi mang tính nghề nghiệp trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán; có thái độ, tác phong thận trọng, kỷ lưỡng để công việc đạt chất lượng cao; chỉ tham gia vào các hoạt động kiểm toán mà mình có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết trong lĩnh vực đó...

Bảo mật: Kiểm toán viên nhà nước phải có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của pháp luật về giữ bí mật nhà nước, bí mật của đơn vị được kiểm toán về những thông tin mà mình đã thu thập được trong hoạt động kiểm toán; không được tiết lộ thông tin dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được phép của cấp quản lý có thẩm quyền, trừ khi có nghĩa vụ phải công khai theo quy định của pháp luật.

Những nhiệm vụ cơ bản nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp

Để nâng cao đạo đức nghề nghiệp của KTV nhà nước theo yêu cầu của chuẩn mực KTNN, theo chúng tôi, KTNN cần tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản sau đây:

Một là, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Đề án “Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử của KTV nhà nước” của Đảng ủy KTNN nhằm tạo đột phá mạnh mẽ về chính trị, tư tưởng, văn hóa ứng xử trong cơ quan, trong đó đề cao ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của KTV trong hoạt động công vụ, đảm bảo tất cả các hoạt động của KTV theo hướng “Công minh - Chính trực - Nghệ tình - Tâm sáng”. Xây dựng văn hóa ứng xử

nghề nghiệp của KTV, nhất là KTV trẻ về cách hành xử, đạo đức nghề nghiệp đối với đơn vị được kiểm toán khi thực hiện hoạt động kiểm toán và kiểm soát chất lượng kiểm toán; văn hóa ứng xử trong nội bộ đơn vị, giữa cấp trên và cấp dưới, giữa các thành viên trong đoàn kiểm toán, giữa các đơn vị trong cơ quan.

Hai là, tổ chức tập huấn chuyên sâu Hệ thống chuẩn mực kiểm toán nhà nước, trong đó tập trung CMKTNN số 30 - Bộ quy tắc đạo đức cho đội ngũ KTV nhà nước bảo đảm duy trì tính liêm chính, độc lập và khách quan của Kiểm toán viên nhà nước nhằm đảm bảo các kết luận và kiến nghị kiểm toán xác thực và hợp lý.

Ba là, từng KTV nhà nước có nghĩa vụ liên tục tự học tập, nghiên cứu, cập nhật các kiến thức và trình độ chuyên môn ở các lĩnh vực phù hợp để phục vụ cho nhiệm vụ kiểm toán, đồng thời phải tham gia đầy đủ các khóa đào tạo do KTNN tự tổ chức hoặc cử tham gia. KTV nhà nước phải thường xuyên trau dồi đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ uy tín nghề nghiệp, không được gây ra những hành vi có thể làm giảm uy tín nghề nghiệp của mình và của KTNN.

Bốn là, có biện pháp, chế tài xử lý nghiêm minh đối với những KTV vi phạm quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của KTV. Đây là yếu tố quan trọng có tác dụng phòng ngừa và răn đe đối với những hành vi vi phạm của công chức, KTV trong thi hành công vụ; đồng thời, duy trì nề nếp làm việc và kỷ luật, kỷ cương công vụ trong hoạt động của KTNN. ■

Những nguy cơ vi phạm đạo đức trong quá trình hành nghề của kiểm toán viên



LÊ THẾ VIỆT

Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)

Mỗi nghề trong xã hội chúng ta đều có những vai trò, chức năng riêng. Gắn với chức năng, vai trò đó, những người làm nghề phải đáp ứng một số tiêu chuẩn nhất định về sức khỏe, kỹ năng, sự chăm chỉ, cần cù, sáng tạo và phải có nền tảng đạo đức,... Nghề kiểm toán cũng như bao nghề khác trong xã hội, tuy nhiên nó lại có ý nghĩa hết sức quan trọng khi đảm nhận trách nhiệm “cầm cân nảy mực”, đưa ra ý kiến khách quan, độc lập về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của các đơn vị, tổ chức, làm cơ sở để người sử dụng các thông tin đã được kiểm toán tìm ra phương án quản lý, bảo vệ tài sản cũng như phân tích, đánh giá trước các quyết định về hoạt động đầu tư, tài chính của mình.

Để phát huy vị trí, vai trò của nghề kiểm toán, các kiểm toán viên (KTV) chuyên nghiệp phải luôn nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của mình và tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong suốt cuộc đời hành nghề, bất kể việc họ giữ vị trí nào trong các cuộc kiểm toán, trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp kiểm toán, để phân đấu phục vụ tốt nhất cho lợi ích của công chúng.

Năm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán bao gồm:

Chính trực: Phải thẳng thắn, trung thực trong tất cả các mối

quan hệ chuyên môn và kinh doanh.

Khách quan: Không cho phép thiên vị, xung đột lợi ích hoặc bất cứ ảnh hưởng không hợp lý nào chi phối các xét đoán chuyên môn và kinh doanh của mình.

Năng lực chuyên môn và tính thận trọng: Thể hiện, duy trì sự hiểu biết và kỹ năng chuyên môn cần thiết nhằm đảm bảo rằng khách hàng hoặc chủ doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ chuyên môn có chất lượng dựa trên những kiến thức mới nhất về chuyên môn, pháp luật và kỹ thuật, đồng thời hành động một cách thận trọng và phù hợp với các chuẩn mực nghề nghiệp và kỹ thuật được áp dụng.

Tính bảo mật: Phải bảo mật thông tin có được từ các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh, vì vậy, không được tiết lộ bất cứ thông tin nào cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý của bên có thẩm quyền, trừ khi có nghĩa vụ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của pháp luật hoặc cơ quan quản lý, tổ chức nghề nghiệp; không được sử dụng thông tin vì lợi ích cá nhân của kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp hoặc của bên thứ ba.

Tư cách nghề nghiệp: Phải tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan, tránh bất kỳ hành động nào làm giảm uy tín nghề nghiệp của mình.

Năm nguyên tắc trên tương

như đơn giản, nhưng để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc này trong quá trình hành nghề và chủ động xử lý các tình huống vi phạm đạo đức có thể xảy ra lại không phải là vấn đề dễ dàng. Bởi lẽ, xung quanh quãng đời nghề nghiệp của KTV chuyên nghiệp luôn tồn tại quá nhiều các cạm bẫy, các nguy cơ xung đột lợi ích mà KTV, nếu không nhận thức được đầy đủ các mối nguy cơ và đe dọa đó thì sẽ rất dễ vô tình rơi vào tình trạng “vi phạm lúc nào mà không hay” hoặc “cố lơ đi như không biết”, ảnh hưởng đến việc xem xét tính độc lập, khách quan của KTV khi đưa ra kết quả kiểm toán, từ đó làm suy mòn lòng tin của công chúng với nghề, thậm chí còn có thể xảy ra các vụ tranh chấp, kiện tụng, vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Trong suốt quãng đường sự nghiệp của KTV chuyên nghiệp, năm mối nguy cơ lớn nhất tồn tại xung quanh các mối quan hệ bao gồm:

Nguy cơ do tư lợi: có khả năng xảy ra khi lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác gây ảnh hưởng tới xét đoán hay hành xử của KTV chuyên nghiệp;

Nguy cơ tư kiểm tra: có thể xảy ra khi một KTV chuyên nghiệp không đánh giá được một cách hợp lý kết quả xét đoán chuyên môn hay kết quả dịch vụ do chính họ hay do một cá nhân khác trong doanh nghiệp kiểm

toán hoặc trong doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc thực hiện trước đó. KTV chuyên nghiệp chỉ dựa vào đó để hình thành xét đoán khi thực hiện các hoạt động hiện tại hoặc cung cấp dịch vụ hiện tại của mình;

Nguyên cơ về sự bào chữa:

Nguyên cơ khi một KTV chuyên nghiệp tìm cách bênh vực khách hàng hoặc doanh nghiệp, tổ chức nơi mình làm việc tới mức làm ảnh hưởng tới tính khách quan của bản thân;

Nguyên cơ từ sự quen thuộc:

Nguyên cơ gây ra do quan hệ lâu dài hoặc thân thiết với khách hàng hoặc doanh nghiệp, tổ chức nơi mình làm việc, khiến KTV chuyên nghiệp dễ thông cảm cho quyền lợi hoặc dễ dàng chấp nhận cho việc làm của họ;

Nguyên cơ bị đe dọa: Nguyên cơ KTV chuyên nghiệp bị ngăn cản hành xử một cách khách quan do các đe dọa có thực hoặc do cảm nhận thấy, bao gồm sức ép gây ảnh hưởng không hợp lý đến KTV chuyên nghiệp.

Trên thế giới vẫn thường xuyên xảy ra nhiều vụ việc đình đám liên quan đến các KTV chuyên nghiệp khi sự khách quan, tính độc lập trong ý kiến kiểm toán của họ bị công chúng nghi ngờ nghiêm trọng, chẳng hạn như vụ Enron, WorldCom,... Thực tế, tất cả các KTV chuyên nghiệp đều được đào tạo, thi cử, có chứng chỉ hành nghề và học bài bản về các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, biết trước các cạm bẫy và thách thức với nghề, nhưng không phải ai cũng có bản lĩnh để vượt qua những cạm bẫy, thách thức đó, kể cả những KTV hành nghề lâu năm ở các hãng kiểm toán hàng đầu thế giới. Vậy

đâu là nguyên nhân dẫn đến những vụ vi phạm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp như vậy ?

Nếu nhìn một cách sâu xa, chúng ta đều hiểu, mỗi KTV chuyên nghiệp trước hết cũng là một con người theo đúng nghĩa như K.Max đã từng nói "Con người là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội". Đã là con người thì dù hiện tại được coi là tốt, là có đạo đức nhưng vẫn không có gì đảm bảo họ tiếp tục giữ vững được những giá trị tốt đẹp đó trong tương lai, không thể tiên liệu được những hoàn cảnh, thử thách, áp lực và bản lĩnh của họ ứng xử sẽ ra sao. Trong cuộc sống cũng như công việc, các KTV chuyên nghiệp luôn phải chịu những sức ép, những áp lực về việc đảm bảo trình độ chuyên môn, đáp ứng lợi ích và các yêu cầu của khách hàng, các lợi ích vật chất và nhu cầu tinh thần cho bản thân giống như bao người khác. Nhưng khi KTV chuyên nghiệp cố tình quên đi các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, hành động vì lợi ích của bản thân mình và có thể cả vì lợi ích, lợi nhuận hay sự tồn tại của doanh nghiệp kiểm toán nơi mình làm việc, thì lúc đó sự khách quan, tính độc lập, những phẩm chất chuyên môn của họ không còn phục vụ cho lợi ích của số đông nữa. Kết quả làm việc của họ sẽ không còn trung thực, khách quan và không còn đáng tin cậy. Trên thế giới, rất nhiều KTV chuyên nghiệp đã phần đầu mất nhiều năm để lên được chức vụ cao trong doanh nghiệp kiểm toán, giữ trọng trách lớn trong một cuộc kiểm toán, nhưng chỉ vì một hành vi vi phạm nguyên tắc đạo đức gây hậu quả nghiêm

trọng cho lợi ích của những người sử dụng kết quả kiểm toán, họ đã mất tất cả sự nghiệp, uy tín, danh dự chỉ trong giây lát và thậm chí còn bị pháp luật xử lý nghiêm khắc do hậu quả nghiêm trọng mà họ đã góp phần gây ra.

Do đó, trong bài viết này, tôi muốn nhấn mạnh đến việc nhận thức các biện pháp bảo vệ được quy định trong Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Các biện pháp này chia làm hai nhóm lớn:

Thứ nhất, nhóm biện pháp bảo vệ do hội nghề nghiệp, pháp luật cũng như chuẩn mực quy định, bao gồm: Yêu cầu về học vấn, đào tạo và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; Yêu cầu về cập nhật kiến thức chuyên môn; Các quy định về quản trị doanh nghiệp; Các chuẩn mực nghề nghiệp; Sự giám sát của tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan quản lý và các hình thức kỷ luật; Soát xét độc lập do bên thứ ba được trao quyền hợp pháp thực hiện đối với các báo cáo, tờ khai, thông báo hay thông tin do kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp cung cấp.

Thứ hai, nhóm biện pháp bảo vệ được xây dựng trong môi trường làm việc chủ yếu gồm: Cơ chế tiếp nhận, giải quyết khiếu nại công khai và hiệu quả của tổ chức mà KTV chuyên nghiệp làm việc, tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan quản lý, cho phép các nhân viên, chủ doanh nghiệp và công chúng phản ánh về các hành vi không chuyên nghiệp hoặc phi đạo đức; Quy định rõ ràng về trách nhiệm báo cáo các vi phạm yêu cầu về đạo đức.

(Xem tiếp trang 31)

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp: Kinh nghiệm của KTNN Hoa Kỳ và bài học cho KTNN Việt Nam

 **ĐẶNG THỊ HOÀNG LIÊN**

Vụ chế độ và kiểm soát chất lượng kiểm toán (KTNN)

Đạo đức nghề nghiệp của cơ quan kiểm toán tối cao (SAI) nói chung và từng cán bộ, công chức thuộc cơ quan nói riêng chính là nền tảng cho mọi hoạt động của SAI.

Kinh nghiệm của các SAI cho thấy, mỗi SAI có một cách thức áp dụng quy tắc đạo đức nghề nghiệp vào thực tiễn. Bài viết chỉ đề cập đến kinh nghiệm quản lý đạo đức nghề nghiệp của KTNN Hoa Kỳ (GAO), từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho KTNN Việt Nam.



Kinh nghiệm quản lý đạo đức nghề nghiệp của GAO

Từ khi hình thành và phát triển, GAO luôn nhấn mạnh việc quản lý đạo đức nghề nghiệp trên 3 góc độ: (1) cơ cấu tổ chức tạo môi trường đề cao đạo đức nghề nghiệp; (2) coi trọng đào tạo, bồi dưỡng và truyền đạt các thông điệp về tính chính trực và công bằng; (3) các chính sách và quy trình được thiết lập và xây dựng nhằm đảm bảo việc thực hiện các nguyên tắc này.

Sự đảm bảo bằng cơ cấu tổ chức

Khía cạnh chính trong môi trường đạo đức của GAO là cơ cấu tổ chức của cơ quan và không có sức ép chính trị đối với các nhân viên. GAO là một cơ

quan độc lập, trung lập thuộc nhánh lập pháp của Chính phủ và độc lập với các cơ quan hành pháp vì có chuyên môn đặc thù về kiểm toán. Đứng đầu GAO là Tổng Kiểm toán, là người được bổ nhiệm duy nhất trong Văn phòng Giải trình chính phủ Hoa Kỳ. Để bảo vệ trước các sức ép về mặt chính trị, Tổng Kiểm toán của GAO do Tổng thống bổ nhiệm và có nhiệm kỳ 15 năm, trên cơ sở danh sách ứng cử do Hội đồng thượng viện và nghị viện thuộc hai đảng đề xuất. Trong quá trình hoạt động, bất kỳ khi nào nhận được các yêu cầu của Quốc hội về hoạt động kiểm toán, GAO đều cân nhắc từng yêu cầu để xem liệu có thực hiện được trong khi vẫn đảm bảo tính

độc lập, tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp và giá trị lợi ích của GAO. Cơ cấu này cho phép GAO duy trì tính trung lập và có cách giải quyết công việc theo hướng công bằng và chính trực.

Các chính sách đạo đức nghề nghiệp của GAO

Các chính sách và thủ tục liên quan đến đạo đức nghề nghiệp của GAO được xây dựng trên cơ sở tuân thủ những nguyên tắc đạo đức đã được quy định trong Hệ thống chuẩn mực kiểm toán chính phủ, đó là: *lợi ích công; tính chính trực; khách quan; sử dụng thích hợp thông tin, nguồn lực, chức năng, nhiệm vụ của chính phủ và ứng xử chuyên nghiệp.*

Dựa vào các nguyên tắc trên,

GAO thiết lập một khuôn khổ chính thức để hướng dẫn các nhân viên của mình. Ví dụ, khuôn khổ Đảm bảo chất lượng chứa đựng tất cả các yếu tố thuộc chính sách và thủ tục của GAO phải đảm bảo chất lượng cùng độ tin cậy. Khuôn khổ này khẳng định rằng, hoạt động kiểm toán của GAO là chuyên nghiệp, độc lập (cả về bản chất và hình thức), khách quan; các bằng chứng kiểm toán là đầy đủ và thích hợp; kết luận kiểm toán được củng cố bởi các bằng chứng kiểm toán; sản phẩm của GAO là trung thực và công bằng; các kiến nghị kiểm toán của GAO là có cơ sở và khả thi.

Một phần quan trọng nhất của Khuôn khổ Đảm bảo chất lượng là Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Bộ Quy tắc này hướng dẫn và thiết lập hàng loạt các yêu cầu đối với nhân viên của GAO. Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của GAO giúp nhân viên thông qua những vấn đề như: bảo vệ tính chính trực; tìm kiếm việc làm mới; nhận quà tặng, các cuộc chiêu đãi và các đặc quyền; tham gia các hoạt động nói và viết liên quan đến GAO; tham gia các hoạt động ngoài trời... Ví dụ, nhân viên của GAO phải báo cáo lãnh đạo khi họ đang tìm kiếm việc làm từ đơn vị được kiểm toán. GAO cũng quy định rằng, một nhân viên cần phải được sự chấp thuận của lãnh đạo quản lý trực tiếp thì mới có thể tham gia các hoạt động ngoài trời. Các nhân viên của GAO khi muốn làm người tình nguyện, nhân viên, đối tác, cố vấn hay nhà tư vấn với các tổ chức hay doanh nghiệp không thuộc GAO thì trước hết đều phải được sự cho phép của lãnh đạo. Nhân

viên của GAO khi đi du lịch cũng phải được sự cho phép của lãnh đạo, trong thời gian du lịch phải sử dụng thẻ tín dụng du lịch do cơ quan nhà nước phát hành.

GAO cũng thực hiện các biện pháp kiểm soát công việc hàng ngày nhằm nhắc nhở nhân viên về những vấn đề liên quan đến tính độc lập và rà soát đánh giá tài liệu làm việc trong suốt quá trình thanh tra, kiểm tra bên trong và bên ngoài. Ví dụ, định kỳ hai tuần một lần, nhân viên của GAO phải xác nhận về tính độc lập của họ đối với công việc họ làm, theo yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán chính phủ. Để tài liệu hóa những xác nhận tính độc lập đối với từng cuộc kiểm toán, nhân viên của GAO phải ký vào bản báo cáo thường niên về tính độc lập, khẳng định rằng không có sự ảnh hưởng nào làm giảm tính độc lập của họ. Đồng thời, họ sẽ báo cáo thường xuyên với lãnh đạo quản lý trực tiếp về nhiệm vụ đang thực hiện. Nếu có sự đe dọa nào tới tính độc lập này thì họ có thể yêu cầu được bảo vệ. Bên cạnh đó, hàng năm nhân viên của GAO phải nộp báo cáo công khai tài chính của mình. Cả báo cáo về tính độc lập và báo cáo công khai tài chính đều phải được lãnh đạo quản lý trực tiếp rà soát, đánh giá, kiểm tra. Việc rà soát, đánh giá phải thể hiện được tính đầy đủ về nội dung theo mẫu, phải thể hiện không có sự xung đột về lợi ích hoặc mối đe dọa nào đến tính độc lập của nhân viên được đánh giá. Có 4 vấn đề mà người đánh giá phải quan tâm đó là: (1) *đầu tư tài chính*; (2) *hoạt động ngoài trời được thanh toán hay tình nguyện*; (3) *việc làm của vợ hoặc*

chồng; (4) *hoàn ứng các khoản chi phí cho hội thảo, hội nghị và sự kiện tương tự*.

Ngoài việc xây dựng các chính sách đối với nhân viên, GAO còn có các chính sách, quy định đối với toàn cơ quan, nhằm đảm bảo rằng GAO luôn duy trì được tính độc lập và trách nhiệm giải trình. Hàng năm, bộ phận Chính sách kiểm toán và Đảm bảo chất lượng tiến hành kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát chất lượng của các hoạt động kiểm toán đã được thực hiện trong năm theo chuẩn mực kiểm toán chính phủ cũng như các hoạt động khác, nhằm xác định xem liệu hệ thống này có được thiết kế và hoạt động hiệu quả để làm nền tảng cơ sở cho việc xây dựng các chính sách, thủ tục, chuẩn mực dựa vào. Cứ 3 năm một lần, một số chuyên gia độc lập từ các cơ quan kiểm toán tối cao khác sẽ tiến hành đánh giá chéo đối với hệ thống kiểm soát chất lượng kiểm toán của GAO theo chuẩn mực kiểm toán chính phủ.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về tuân thủ đạo đức nghề nghiệp

Lãnh đạo của GAO luôn truyền thông điệp đến nhân viên của mình về tính trung thực, công bằng, chính trực và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp từ khi họ bắt đầu được tuyển dụng vào làm việc tại GAO. Các nhân viên mới được tuyển dụng đều phải học một khóa học về chuẩn mực đạo đức trong thời gian 3 tuần đầu tiên làm việc. Trong 2 năm đầu, các nhân viên phải tham gia một khóa học về giá trị cốt lõi và văn hóa công sở của GAO và một khóa về chuẩn mực kiểm toán chính phủ (tức chuẩn mực

kiểm toán nhà nước). Sau các khóa đào tạo ban đầu này, hàng năm, các nhân viên đều phải tham gia một khóa học về tính độc lập. Định kỳ, các nhân viên cũng nhận được các thông điệp, các cuộc trao đổi của Tổng Kiểm toán và lãnh đạo các cấp của GAO. Tổng Kiểm toán của GAO thường trao đổi và nhấn mạnh tầm quan trọng của chất lượng kiểm toán, tính chuyên nghiệp, đạo đức và tính chính trực thông qua các cuộc họp toàn thể cơ quan, các bài viết chuyên đề trên tạp chí của GAO và trong các quy định về đo lường đảm bảo chất lượng kiểm toán.

Bài học kinh nghiệm cho KTNN Việt Nam

Những kinh nghiệm tốt trong việc quản lý đạo đức nghề nghiệp tại các cơ quan kiểm toán tối cao trên thế giới rất đa dạng phong phú. Các cơ quan kiểm toán tối cao cần phải được tổ chức theo cách thức ít chịu sức ép từ việc thực hiện các hành vi trái đạo đức của cả nhân viên và lãnh đạo. Kỳ vọng và thông điệp về tính chính trực, công bằng cũng như sự tuân thủ đạo đức nghề nghiệp cần phải được tuyên truyền, giáo dục

thường xuyên. Hoạt động kiểm soát cần phải được thiết lập để tạo cơ chế bắt buộc thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp. Trong trường hợp của Kiểm toán Nhà nước Hoa Kỳ, các cơ chế này đã tạo ra môi trường để các nhân viên có thể làm việc và cống hiến vì sứ mệnh của GAO theo khuôn khổ đạo đức. Chính vì duy trì được tính độc lập, khách quan và độ tin cậy đối với hoạt động của mình, GAO đã thể hiện được vị thế và uy tín của mình đối với Quốc hội và công chúng Hoa Kỳ.

Từ khi mới thành lập đến nay, Kiểm toán Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng, đề cao và duy trì đạo đức nghề nghiệp của cả cơ quan nói chung và từng cán bộ, công chức nói riêng. Tuy nhiên, để vận dụng CMKTNN 30 - Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp vào thực tiễn thì Kiểm toán Nhà nước cần cụ thể hóa hơn nữa các quy định, các nguyên tắc của chuẩn mực, như quy định về liêm chính,

độc lập và khách quan. Đồng thời, việc thiết lập các cơ chế theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp cũng cần phải đặc biệt coi trọng. Làm được như vậy, Kiểm toán Nhà nước mới có thể thực hiện được giá trị cốt lõi, đó là: *“Minh bạch - Chất lượng - Hiệu quả và không ngừng gia tăng giá trị”* và thực hiện được mục tiêu phát triển KTNN đến năm 2020 là *“Nâng cao năng lực hoạt động, hiệu lực pháp lý, chất lượng và hiệu quả hoạt động của KTNN như một công cụ hữu hiệu của Nhà nước trong kiểm tra, giám sát quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước; xây dựng KTNN có trình độ chuyên nghiệp cao, từng bước hiện đại, trở thành cơ quan kiểm tra tài chính công có trách nhiệm và uy tín, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế”*. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Supporting SAI to enhance their ethical infrastructure (Part I and II), Eurosai (2015).
2. GAO: Defense contractors are complying with ethics rules: <http://www.govexec.com/defense/2009/09/gao-defense-contractors-are-complying-with-ethics-rules/30015/>
3. GAO's Ethics Code: <http://www.gaonet.gov/products/095118>

Những nguy cơ vi phạm đạo đức...

(Tiếp theo trang 28)

Suy cho cùng, vị trí dẫn dắt của người lãnh đạo hàng đầu tại các cơ quan kiểm toán vẫn đóng vai trò quan trọng nhất trong việc đảm bảo sự tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp tại mỗi đơn vị. Mỗi người lãnh đạo phải luôn trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, hành xử gương mẫu cho các thành viên khác trong đơn vị noi theo, xử phạt công minh, nghiêm khắc với các sai phạm và không ngừng tuyên truyền, giải thích, chia sẻ những bài học, kinh nghiệm về tuân thủ các nguyên tắc đạo

đức với các thành viên trong tổ chức của mình. Nếu làm được như thế, chúng ta sẽ góp phần then chốt vào việc xây dựng và phát triển cơ quan kiểm toán của mình một cách toàn diện và bền vững, xây dựng sự tin cậy từ phía khách hàng, các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như công chúng, từ đó sẽ góp phần xây dựng lòng kính trọng, sự tin tưởng ngày càng cao từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước và công chúng dành cho nghề kiểm toán và các KTV chuyên nghiệp của chúng ta. ■

Bàn về các mục tiêu và tiêu chí kiểm toán khi kiểm toán hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực y tế

 **ThS. NGUYỄN QUÁN HẢI** - Văn phòng KTNN

Hiện nay, Chính phủ đã quan tâm nhiều hơn đến chất lượng hoạt động dịch vụ công và quản lý ngân sách theo kết quả đầu ra, nhằm đáp ứng tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong quản lý các nguồn lực. Kiểm toán Nhà nước (KTNN) đã bắt đầu mở rộng phạm vi, đối tượng kiểm toán đối với nhiều lĩnh vực công có tác động và ảnh hưởng sâu rộng đến tình hình kinh tế - xã hội, trong đó, dịch vụ công trong lĩnh vực y tế (sau đây gọi là dịch vụ y tế) là một trong những dịch vụ nhận được sự quan tâm lớn của dư luận. Để tổ chức tốt kiểm toán hoạt động đối với dịch vụ này, KTNN phải triển khai loại hình kiểm toán hoạt động một cách khoa học và bài bản, kết hợp hài hòa với kiểm toán tuân thủ và kiểm toán tài chính nhằm đánh giá toàn diện chất lượng dịch vụ y tế. Trong phạm vi bài viết tác giả gợi mở và đề xuất một số mục tiêu và tiêu chí kiểm toán nhằm thực hiện tốt cuộc kiểm toán hoạt động dịch vụ y tế.

Mục tiêu kiểm toán hoạt động

Mục tiêu kiểm toán hoạt động là kết quả cần đạt được trong quá trình thực hiện kiểm toán, hình thành nên nền tảng cho cuộc kiểm toán, chỉ rõ nội dung được kiểm toán và phương thức đánh giá nội dung đó. Mục tiêu kiểm toán được xác định thì sẽ xây dựng được các tiêu chí kiểm toán và phương pháp tiếp cận, do đó, mục tiêu kiểm toán cần được thiết lập sớm trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán. Một cuộc kiểm toán hoạt động có thể chỉ có một mục tiêu kiểm toán, hoặc một mục tiêu kiểm toán tổng quát và một số mục tiêu kiểm toán chi tiết tương ứng, hoặc một số mục tiêu kiểm toán và không có mục tiêu kiểm toán tổng quát. Tùy từng cuộc kiểm toán cụ thể, mục tiêu có thể đặt trọng tâm vào kết quả, hoặc chỉ tập trung vào hệ thống của tổ chức.

Tiêu chí kiểm toán hoạt động

Theo tài liệu hướng dẫn của INTOSAI: “Tiêu

chí kiểm toán hoạt động là những tiêu chuẩn thực hiện mang tính hợp lý và có thể đạt được xét về tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực. Chúng phản ánh mô hình kiểm soát chuẩn tắc (mong đợi) về vấn đề đang được đánh giá. Chúng đại diện cho thông lệ hay nói cách khác là kỳ vọng hợp lý và những thông tin về những gì cần phải như nó vốn có”.

Còn theo Chuẩn mực KTNN số 300: “Tiêu chí kiểm toán hoạt động là các tiêu chuẩn hợp lý về các khía cạnh của tính kinh tế, tính hiệu quả và tính hiệu lực dùng để đánh giá nội dung kiểm toán; là cơ sở để đánh giá bằng chứng kiểm toán, lý giải các phát hiện kiểm toán và đưa ra kết luận về mục tiêu kiểm toán”.

Như vậy, tiêu chí kiểm toán là những tiêu chuẩn có tính khả thi và phù hợp được sử dụng như những thước đo để đánh giá nội dung kiểm toán. Dựa vào tiêu chí kiểm toán, kiểm toán viên so sánh giữa thực tế với tiêu chí để có được phát hiện kiểm toán. Nếu thực tế đáp ứng được hoặc vượt hơn cả tiêu chí thì

đó là thực hành tốt nhất, ngược lại nếu không đáp ứng được tiêu chí thì những hạn chế tồn tại cần phải được thực hiện biện pháp cải tiến phù hợp.

Một số mục tiêu và tiêu chí khi kiểm toán hoạt động dịch vụ y tế

Xác định mục tiêu để làm căn cứ xây dựng các tiêu chí kiểm toán là điểm khác biệt căn bản khi áp dụng loại hình kiểm toán hoạt động đối với dịch vụ y tế. Có thể nói, tiêu chí của cuộc kiểm toán hoạt động dịch vụ y tế rất quan trọng, đóng vai trò kim chỉ nam cho một cuộc kiểm toán. Để kiểm toán hoạt động dịch vụ y tế có chất lượng, góp phần phát triển dịch vụ y tế ngày càng tốt hơn, các mục tiêu và tiêu chí kiểm toán cần hướng tới là:

Mục tiêu chung: Đánh giá việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước; Đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong việc sử dụng ngân sách, tài chính và tài sản công cho việc đạt được các mục tiêu theo chiến lược phát triển dịch vụ y tế; Kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị có liên quan xử lý các tồn tại, thiếu sót và các vấn đề cần phải tiếp tục hoàn thiện để đảm bảo các mục tiêu trong sự nghiệp y tế phù hợp với chiến lược phát triển trong từng thời kỳ, từng giai đoạn. Theo đó, các mục tiêu cụ thể được xem xét là:

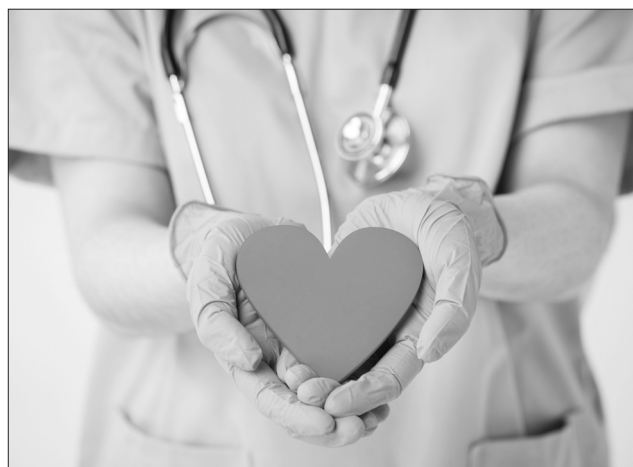
Mục tiêu 1: Đánh giá công tác triển khai thực hiện chiến lược phát triển ngành y tế, đặc biệt là sản phẩm dịch vụ y tế cung cấp cho xã hội có đảm bảo mục tiêu trong từng giai đoạn, từng thời kỳ hay không.

Căn cứ vào mục tiêu kiểm toán trên, một số tiêu chí căn bản khi kiểm toán hoạt động dịch vụ y tế được quan tâm là:

Tiêu chí 1.1: Ngành y tế có xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn để cụ thể chiến lược của ngành hay không, trong đó có xác định rõ lộ trình, nguồn kinh phí và các giải pháp thực hiện hay không.

Tiêu chí 1.2: Ngành y tế có triển khai cụ thể, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đến tất cả các đơn vị quản lý chi tiết, tổ chức hội thảo chuyên đề, tọa đàm để thống nhất các mục tiêu cần hướng tới của từng nhiệm vụ.

Tiêu chí 1.3: Ngành y tế có tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện các mục tiêu



của kế hoạch trong từng giai đoạn, từng thời kỳ gắn với chiến lược phát triển của ngành để bổ sung, điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ cần hướng tới.

Mục tiêu 2: Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chế độ quản lý ngân sách, tài chính và tài sản công của các đơn vị, tổ chức trong quá trình cung cấp sản phẩm dịch vụ y tế cho xã hội.

Căn cứ vào mục tiêu kiểm toán này, cần quan tâm một số tiêu chí căn bản sau:

Tiêu chí 2.1: Các nguồn lực, tài chính, tài sản công của ngành y tế có được phân bổ đầy đủ, đúng với các chương trình, kế hoạch và phù hợp với các quy định quản lý nguồn lực phân bổ cho ngành để đảm bảo các điều kiện cần thiết trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ y tế cho xã hội.

Tiêu chí 2.2: Các nguồn lực sau khi được phân bổ cho các đơn vị thụ hưởng có được quản lý và sử dụng đúng mục đích, có tuân thủ các quy định hiện hành trong quá trình cung cấp sản phẩm dịch vụ y tế cho xã hội.

Tiêu chí 2.3: Việc kiểm tra, giám sát của ngành y tế trong việc sử dụng các nguồn lực được phân bổ gắn với chất lượng sản phẩm dịch vụ y tế cung cấp cho xã hội có được đảm bảo.

Mục tiêu 3: Đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài chính và tài sản công; trách nhiệm của các cấp quản lý trong quá trình cung cấp sản phẩm dịch vụ y tế cho xã hội.

Dựa trên mục tiêu này, cần quan tâm đến các tiêu chí:

Tiêu chí 3.1: Ngành y tế có quy định, hướng dẫn các nhiệm vụ cụ thể theo thứ tự ưu tiên cần giải quyết và dự kiến kết quả cần đạt được trong quá

trình triển khai thực hiện các kế hoạch trong từng giai đoạn, thời kỳ thực hiện chiến lược gắn với các chỉ số theo dõi, đánh giá mục tiêu cần đạt được của từng sản phẩm dịch vụ y tế.

Tiêu chí 3.2: Các nguồn lực đầu vào có được giảm thiểu trong mối tương quan với sản phẩm dịch vụ y tế theo mục tiêu đã được xác định trước, và với mục tiêu đã được xác định đó thì chất lượng dịch vụ có được cải thiện hay không, đồng thời có tiêu chí để đánh giá mức độ của chất lượng dịch vụ y tế hay không.

Tiêu chí 3.3: Chất lượng sản phẩm dịch vụ y tế với mục tiêu đã được xác định phải được gắn liền với trách nhiệm của người đứng đầu các cấp quản lý trong quá trình thực hiện các mục tiêu của sản phẩm dịch vụ y tế.

Mục tiêu 4: Xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, kiến nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; phát hiện bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách trong chiến lược phát triển dịch vụ y tế của quốc gia đối với quy trình cung cấp sản phẩm dịch vụ y tế có chất lượng cho xã hội.

Theo mục tiêu này, các tiêu chí cần quan tâm là:

Tiêu chí 4.1: Ngành y tế có ban hành chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng, có đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện; có gắn trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình cung cấp sản phẩm dịch vụ y tế.

Tiêu chí 4.2: Ngành y tế có thường xuyên tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc ban hành cơ chế, chính sách trong chiến lược thực hiện các mục tiêu y tế quốc gia để kịp thời sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam không.

Tiêu chí 4.3: Cơ chế kiểm tra, giám sát việc xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân trong quá trình cung cấp sản phẩm dịch vụ có được ban hành; những cơ chế, chính sách mới có được xem xét trong mối tương quan với cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ và mục tiêu phát triển dịch vụ y tế quốc gia hay không.

Mục tiêu 5: Cung cấp những thông tin, kết quả kiểm toán tin cậy cho Chính phủ và các cơ quan quản lý có liên quan trong quản lý, điều hành hoạt động của ngành y tế để kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, yếu kém; cung cấp thông tin tin cậy cho Quốc hội để nâng cao chất lượng giám sát về mọi

mặt của hoạt động dịch vụ y tế.

Những tiêu chí sau cần được cân nhắc xem xét:

Tiêu chí 5.1: Kết quả đầu ra của dịch vụ y tế có được xem xét, đánh giá sát với 4 mục tiêu nêu trên nhằm đánh giá hoạt động dịch vụ y tế thực sự tin cậy.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức kiểm toán hoạt động có tuân thủ chặt chẽ kế hoạch kiểm toán, chương trình kiểm toán và các chuẩn mực kiểm toán.

Tiêu chí 5.3: Hoạt động kiểm tra, kiểm soát của các cấp quản lý có tuân thủ đầy đủ các hướng dẫn và quy trình kiểm tra, kiểm soát đã được ban hành.

Tiêu chí 5.4: Các thông tin và khuyến nghị qua kiểm toán hoạt động dịch vụ y tế có được xem xét trong tổng thể dưới nhiều góc độ, đảm bảo tính pháp lý, chặt chẽ và khoa học, phản ánh được nguyện vọng và mong muốn của người sử dụng dịch vụ.

Như vậy, căn cứ vào mục tiêu và tiêu chí kiểm toán nêu trên, Đoàn kiểm toán sẽ tiến hành thiết kế Chương trình kiểm toán. Chương trình kiểm toán hoạt động dịch vụ y tế phải được xây dựng trước khi bắt đầu giai đoạn thực hiện kiểm toán để đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực của quá trình thu thập bằng chứng. Tuy nhiên, trong thực tế, bước này có thể sẽ lặp đi lặp lại nên Chương trình kiểm toán phải đảm bảo tính linh hoạt và phải xem xét thường xuyên về tính phù hợp của nó. Mục tiêu và tiêu chí kiểm toán có thể được cân nhắc điều chỉnh trong quá trình thực hiện kiểm toán, nếu thực tế thực hiện cho thấy nguồn bằng chứng được chỉ ra trong Chương trình kiểm toán là không hữu hiệu, hoặc kỹ thuật và phương pháp thu thập bằng chứng không còn phù hợp. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Kiểm toán nhà nước số 37/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 ngày 24/6/2015;
2. Đề tài khoa học cấp Bộ (2014) "Các giải pháp tăng cường kiểm toán hoạt động của KTNN", KTNN;
3. Báo cáo chung tổng quan ngành y tế (2007, 2015), Bộ Y tế;
4. Tài liệu khóa học căn bản về kiểm toán hoạt động, KTNN (2015);
5. Chuẩn mực KTNN Việt Nam số 300 - Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán hoạt động, KTNN (2016);
6. Chuẩn mực KTNN Việt Nam số 3000 - Hướng dẫn kiểm toán hoạt động, KTNN (2016).

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước thành phố Hải Phòng năm 2013:

Đầu tư tràn lan trong bối cảnh hụt thu ngân sách

 **BẮC SƠN**

Năm 2013, tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn thành phố Hải Phòng là 46.785,5 tỷ đồng, bằng 97% dự toán trung ương giao và 93% dự toán HĐND quyết định. Trong đó, thu ngân sách địa phương (NSDP) đạt 15.077 tỷ đồng, bằng 163% dự toán trung ương giao và 134% dự toán HĐND quyết định. Tuy nhiên, nếu loại trừ số thu chuyển nguồn, thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW thì thu cân đối NSDP chỉ đạt 88% dự toán trung ương giao và 87% dự toán HĐND quyết định. Trong khi đó, tổng chi NSDP trong năm 2013 lại lên đến 15.047 tỷ đồng, bằng 158% so với dự toán trung ương giao đầu năm và 133% dự toán HĐND quyết định, tăng 17% so với năm 2012. Riêng chi đầu tư phát triển tăng 26% so với dự toán trung ương giao ban đầu. Tình trạng chi tràn lan vượt định mức trong khi hụt thu ngân sách của Thành phố đã được Kiểm toán Nhà nước (KTNN) nêu rõ trong Báo cáo kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2013, đồng thời chỉ ra nguyên nhân và kiến nghị cụ thể để giải quyết tình trạng này.

Tiếp diễn tình trạng hụt thu ngân sách

Theo kết luận của KTNN, năm 2013 là năm thứ hai liên tiếp thành phố Hải Phòng hụt thu ngân sách, tổng thu NSNN hụt gần 3.333 tỷ đồng (tính cả thu xuất nhập khẩu và thu quản lý quan ngân sách). Trong đó, hụt thu nội địa 858,8 tỷ đồng (không tính tiền sử dụng đất gần 614 tỷ đồng); hụt thu cân đối NSDP 795,4 tỷ đồng (không tính tiền sử dụng đất 580,7 tỷ đồng), bằng 28% chi đầu tư phát triển.

Báo cáo của Cục thuế thành phố Hải Phòng cho thấy, tổng số các khoản nợ thuế lũy kế đến 31/12/2013 là 1.244 tỷ đồng, trong đó: nợ khó thu 262,85 tỷ đồng (chiếm 21,1%); nợ chờ xử lý gần 4 tỷ đồng (chiếm 0,3%) và nợ có khả năng thu 977,2 tỷ đồng (chiếm 78,6%). Công tác quản lý nợ còn thiếu sót, qua kiểm toán, KTNN đã phát hiện tổng hợp nợ đọng thuế thiếu 91,1 tỷ đồng (chủ yếu là tiền sử dụng đất), cơ quan thuế chưa sử dụng triệt để các biện pháp để thu hồi

nợ theo quy định của pháp luật dẫn đến tình trạng số nợ tăng 32% so với năm 2012; tỷ lệ nợ đọng cao, số nợ thuế có khả năng thu trên tổng số thuế thu năm 2014 là 12%, trong khi tỷ lệ nợ cho phép là 5%.

Tại thời điểm kiểm toán, Cục thuế thành phố Hải Phòng quản lý thu 641 doanh nghiệp nhà nước trung ương; 434 doanh nghiệp nhà nước địa phương và các đơn vị sự nghiệp có thu; 12.972 đơn vị hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; 847 doanh

nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Kết quả kiểm toán và đối chiếu tình hình thực hiện kê khai nộp thuế của 43 đối tượng tại Cục và 04 chi cục thuế cho thấy, các đối tượng kê khai thuế không đầy đủ, sai quy định 5,5 tỷ đồng nhưng chưa được phát hiện và xử lý kịp thời. Một số doanh nghiệp hạch toán thu, chi không đúng quy định dẫn đến tình trạng khai thuế không đầy đủ (Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi An Hải và các doanh nghiệp được đối chiếu). KTNN cũng đã xác định một số doanh nghiệp nộp thuế chậm, nộp không đầy đủ số tiền 1.355 tỷ đồng, trong đó nợ có khả năng thu là 1.068 tỷ đồng. Tính đến thời điểm kiểm toán, tổng số tờ khai thuế GTGT chậm nộp là 5.729 lượt, số tờ khai quyết toán thuế TNDN chậm nộp 2.166 lượt.

Đối với thu phí và lệ phí, nhiều bệnh viện, trường học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trên địa bàn Thành phố thực hiện quản lý thu phí không đúng quy định, kê khai viện phí và học phí chậm, phí năm 2013 kê khai sang năm 2014 nhưng không bị xử phạt... KTNN đã xác định, trong năm 2013, các trường mầm non, THCS và 39 trường THPT trên địa bàn thành phố chưa đăng ký, kê khai, quyết toán phí; 14 trường đại học và trung học chuyên nghiệp cùng với 16 bệnh viện và trung tâm y tế kê khai học phí, viện phí chậm, năm 2014 mới kê khai cho năm 2013. Qua kết quả kiểm toán còn phát hiện nhiều đơn vị cố tình không kê khai đầy đủ số thuế phải nộp, kê khai sai quy định 5,539 tỷ đồng (giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 389 triệu đồng;

tăng thu 5,15 tỷ đồng); giảm lỗ hơn 400 triệu đồng.

Tại Chi cục thuế Vĩnh Bảo, việc quản lý thu tiền sử dụng đất về bán đấu giá không đúng quy định theo Luật Quản lý thuế, Thông tư số 31/2005/TTLT/BTC-BTNMT hướng dẫn luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. Các thông tin xác định nghĩa vụ tài chính không được chuyển đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính, ra thông báo thu tiền sử dụng đất, theo dõi đơn đốc nợ. Công tác thanh tra, kiểm tra đối tượng nộp thuế được thực hiện khá thường xuyên, Cục thuế kiểm tra được 96% số hồ sơ và phát hiện điều chỉnh tăng thuế 14,692 tỷ đồng; Cục và các chi cục thuế đã tiến hành kiểm tra 63% số doanh nghiệp trên địa bàn và truy thu được 103,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, còn nhiều sai sót trong kê khai thuế mà cơ quan thuế không phát hiện được như: kê khai thuế, tờ khai phí, học phí không đầy đủ theo quy định; công tác kiểm tra thu phí, lệ phí, kiểm tra sau hoàn thuế GTGT chưa được chú trọng; kiểm tra ít, chưa đạt yêu cầu; nhiều sở, trường học, bệnh viện chưa được kiểm tra.

Chi tràn lan, nợ đọng xây dựng cơ bản

Năm 2013, tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB) của Hải Phòng là 3.265,4 tỷ đồng; trong đó vốn nước ngoài là 261 tỷ đồng, vốn trái phiếu Chính phủ 250,7 tỷ đồng, nguồn cân đối ngân sách thành phố 819 tỷ đồng, NSTW 553,9 tỷ đồng, còn lại là các nguồn vốn vay tín

dụng, nguồn thu xổ số kiến thiết, vốn phát sinh khác...

Theo báo cáo kiểm toán, trong năm 2013, Hải Phòng đầu tư 08 dự án không có trong danh mục kế hoạch 5 năm 2011-2015, cụ thể: xây dựng đường bao thị trấn Minh Đức giai đoạn 2 với tổng mức 199,1 tỷ đồng; xây dựng khu tái định cư phục vụ Dự án đường bao thị trấn Minh Đức hết 13,5 tỷ đồng; Dự án đầu tư khu neo đậu tránh bão cho tàu thuyền xã Phả Lễ 114,2 tỷ đồng; đầu tư xây dựng đường liên xã Kỳ Sơn - Lại Xuân 80,6 tỷ đồng; xây dựng nhà văn hóa thiếu nhi 82,6 tỷ đồng... Trong khi đó, công trình trọng điểm xây dựng Trường trung học chuyên Trần Phú lại không được bố trí vốn. Huyện Vĩnh Bảo phân bổ vốn cho 27 công trình được phê duyệt mới trong năm 2013 không đúng quy định tại Điều 4, Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính vì các công trình này được phê duyệt sau 31/10/2012.

Khi tiến hành thẩm định, phê duyệt, nhiều dự án chưa được phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, điều kiện cung cấp nguyên nhiên liệu, thời gian phê duyệt chậm, công tác khảo sát chưa chính xác. Với Dự án đầu tư xây dựng mở rộng khu bay - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, việc Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ đầu tư Dự án bằng nguồn vốn ngân sách thành phố là không phù hợp với nhiệm vụ chi của NSDP. Theo đó, việc UBND thành phố Hải Phòng quyết định dùng 3.661 tỷ đồng ngân sách thành phố để đầu tư cho Dự án là không đúng theo quy định (tính đến 09/6/2014 đã giải ngân 416,5

tỷ đồng).

Bên cạnh đó, KTNN còn xác định có đến 22 dự án thuộc nguồn vốn NSNN được phê duyệt điều chỉnh bổ sung do thay đổi quy mô đầu tư với tổng mức tăng là 2.622 tỷ đồng (tăng hơn 50% so với phê duyệt ban đầu, từ 2.560 tỷ đồng lên 5.182 tỷ đồng). Nguyên nhân là do việc thẩm định dự án chưa tính hết các khối lượng cần thiết phải đầu tư nên trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh quy mô dự án (dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hải Phòng; Dự án xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án phát triển giao thông đô thị Hải Phòng...). Ngoài ra, kết quả kiểm toán các dự án cũng cho thấy, quy trình thực hiện dự án còn nhiều sai phạm, tính thừa, tính thiếu khối lượng, tính sai đơn giá, như: Dự án xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án phát triển giao thông đô thị Hải Phòng dự toán tính thừa 2,5 tỷ đồng; Dự án xây dựng đường bao thị trấn Minh Đức tính sai khối lượng nền mặt đường 2,5 tỷ đồng, sai chi phí tư vấn 614 triệu đồng...

Tính đến hết năm 2013, có đến 216/390 dự án chậm tiến độ, chiếm 55% và có xu thế tăng cao so với các năm trước (2012 là 41%, 2011 là 38% và 2010 là 27%). Trong đó, phần lớn các dự án thuộc lĩnh vực giao thông, công cộng, nông nghiệp, y tế, giáo dục; chủ yếu là các dự án được phê duyệt từ năm 2011 trở về trước. Đối với việc đấu thầu các dự án, hồ sơ đề xuất chưa thuyết minh nguồn gốc, chủng loại vật liệu đưa vào thi công xây

dựng công trình; triển khai đấu thầu chậm so với kế hoạch.

Trong qua trình thực hiện hợp đồng, tình trạng thi công chậm tiến độ khá phổ biến, quản lý chất lượng công trình chưa thực hiện nghiêm túc, hồ sơ chất lượng không đầy đủ...

Nợ đọng xây dựng cơ bản của Thành phố tính đến 31/12/2013 của 83 dự án là 844,6 tỷ đồng; trong đó: NSTW nợ 299,9 tỷ đồng, ngân sách thành phố nợ 529 tỷ đồng và ngân sách các quận huyện, các nguồn vốn khác nợ 15,5 tỷ đồng. Kế hoạch vốn bổ sung năm 2013 và kế hoạch vốn XDCB năm 2014 đã bố trí vốn cho 52/83 dự án, tương ứng 194,7 tỷ đồng để thanh toán nợ. Theo báo cáo của các đơn vị, việc nợ đọng lớn là do suy thoái kinh tế khiến cho nguồn chi giảm; thu ngân sách năm 2013 của thành phố không đạt dự toán; một số dự án cần phải đẩy mạnh thực hiện trong khi nguồn vốn hạn hẹp, khó cân đối; nhiều dự án đã hoàn thiện nhưng chủ đầu tư chậm trình phê duyệt quyết toán, không có đủ cơ sở để tắt toán trước 31/12/2013.

Kiến nghị của KTNN

Từ những vấn đề nội cộm trong công tác quản lý và sử dụng ngân sách đã nêu ở trên, KTNN đề nghị UBND thành phố Hải Phòng chỉ đạo các cơ quan tài chính tổng hợp, các đơn vị được kiểm toán điều chỉnh báo cáo quyết toán ngân sách theo kiến nghị của KTNN. Về xử lý tài chính, nộp NSNN tăng thêm 5,4 tỷ đồng; giảm thuế GTGT được khấu trừ 341 triệu đồng; giảm dự toán, thanh toán 3,661 tỷ đồng; giảm giá trị trúng thầu

12,2 tỷ đồng; các kiến nghị khác 11,7 tỷ đồng.

UBND thành phố chỉ đạo Sở Tài chính trích lập Quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất; đơn đốc thu hồi dứt điểm tạm ứng chi đầu tư XDCB kéo dài qua nhiều năm; tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các quận, huyện sử dụng NSNN đúng quy định. Cục thuế cần chỉ đạo Chi cục thuế Vĩnh Bảo, Kiến Thụy phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh để quản lý thuế; Chi cục thuế Vĩnh Bảo phối hợp với các cơ quan liên quan thu tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ đầy đủ, đúng thời hạn; chấn chỉnh công tác quản lý đăng ký, kê khai phí, lệ phí tại các trường học, bệnh viện trên địa bàn thành phố; theo dõi, tổng hợp đầy đủ các khoản nợ đọng thuế, áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi số nợ có khả năng thu 1.068 tỷ đồng; đối chiếu, điều chỉnh số nợ gần 4 tỷ đồng; điều chỉnh báo cáo nợ đọng thuế tăng thêm 91,1 tỷ đồng.

Các ban quản lý dự án cần kiểm soát chặt chẽ khối lượng cũng như đơn giá trong công tác lập dự toán, đấu thầu và thanh quyết toán tránh tình trạng tính thừa, tính thiếu, tính sai khối lượng, đơn giá; triển khai đấu thầu theo đúng kế hoạch đề ra, thực hiện nghiệm thu theo đúng quy định.

KTNN đề nghị HĐND thành phố Hải Phòng giám sát việc thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN nhằm đảm bảo các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách, thuế, đầu tư XDCB được thực thi nghiêm túc trên địa bàn thành phố; xem xét, sử dụng kết quả kiểm toán khi phê duyệt quyết toán NSDP.■

Toà Kiểm toán Rumani thực hiện kiểm toán hoạt động đối với hệ thống giao thông ngầm của thủ đô Bucharest

 NGỌC QUỲNH

Mùa thu 2016 vừa qua, Toà Kiểm toán (CoA) Rumani đã khởi xướng một cuộc kiểm toán hoạt động với tiêu đề "Kiểm toán hoạt động đối với hệ thống giao thông ngầm của người dân Bucharest". Cuộc kiểm toán này xuất phát từ tính cấp bách của nhu cầu hiện đại hóa và mở rộng mạng lưới tàu điện ngầm, nhằm tránh tắc nghẽn giao thông, giảm số vụ tai nạn, rút ngắn thời gian đi lại, giảm thiểu ô nhiễm và tiêu thụ năng lượng, cải thiện đường xá xuống cấp và giảm các chi phí liên quan đến bảo trì, sửa chữa.

Hệ thống giao thông tàu điện ngầm - giải pháp giảm tắc nghẽn giao thông

Hệ thống tàu điện ngầm là phương tiện vận tải chính và được người dân ưa dùng do sự tiện lợi cũng như tốc độ di chuyển, mặc dù nó chỉ mới chiếm 4% chiều dài mạng lưới giao thông công cộng toàn thành phố Bucharest, vận chuyển khoảng 20% hành khách, tương đương trung bình 600 ngàn người/ngày.

Trước năm 1970, để đáp ứng nhu cầu giao thông công cộng ở Bucharest, nhiều tuyến đường đã được mở phù hợp với kiến trúc của thành phố, đặc trưng thường là các con đường tương đối hẹp. Các giải pháp khắc phục cho vận tải đường bộ trở nên không hiệu quả và thiếu hấp dẫn, cũng như không đem lại sự thoải mái đối với hành khách. Do đó, đến năm 1970, một quyết định về phương thức giao thông mới đã được đưa ra, đó là đường sắt tàu điện ngầm, với mục tiêu giảm bớt tắc nghẽn giao thông đường bộ, đồng thời tiết kiệm thời gian đáng kể cho người sử dụng do tốc độ cao hơn. Tuyến đường sắt điện cũng làm giảm đáng kể tình trạng ô nhiễm, nâng cao sự tiện lợi và an toàn. Đến những năm 1980, mạng lưới giao thông ngầm của Bucharest được xây dựng, trang bị và đưa vào hoạt động.

Hiện nay, có 02 tổ chức chính cung cấp phương

thức vận tải công cộng cho Bucharest: Một là, Công ty Thương mại Giao thông vận tải ngầm Bucharest METROREX, S.A. (METROREX), hoạt động dưới thẩm quyền quản lý của Bộ Giao thông Vận tải Rumani. Công ty này có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm liên quan đến việc quản lý và điều hành hệ thống giao thông tàu điện ngầm; Hai là, Công ty Vận tải Bucharest (RATB) - một công ty đại chúng tự quản thuộc Hội đồng thành phố Bucharest. RATB có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong việc quản lý và hoạt động giao thông đường bộ (xe điện, xe buýt, xe đẩy).

Các mục tiêu kiểm toán

Mục tiêu chung của cuộc kiểm toán là đánh giá các chương trình vận tải của chính phủ và hiệu suất, hiệu quả cũng như hiệu lực hoạt động của nó. Cuộc kiểm toán cũng dự kiến sẽ đánh giá xem các chỉ số hoạt động có phù hợp với những yêu cầu được quy định trong "Chiến lược tổng thể về Phát triển và Hiện đại hóa giao thông đô thị Bucharest giai đoạn 2008-2030" hay không; Đồng thời, tập trung vào việc xác định rủi ro, quản lý khả năng dễ bị tổn thương (có khả năng dẫn đến thất bại và thiếu sót trong các hoạt động kiểm toán được thực hiện bởi CoA Rumani trước đó).

Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

(1) Xác định các lỗ hổng và rủi ro, thất bại và thiếu sót, hậu quả và trách nhiệm liên quan đến METROREX;

(2) Đánh giá hậu quả và trách nhiệm liên quan đến các tổ chức nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực này;

(3) Xác định các lĩnh vực tiềm năng và vấn đề cải tiến cũng như đưa ra khuyến nghị để nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực đã nêu trong hai mục tiêu đầu tiên.

Ngoài ra, cuộc kiểm toán METROREX cũng xét đến sự hài lòng của hành khách thông qua các dịch vụ được cung cấp và mức độ an toàn, an ninh cho hành khách.

Kết quả và kiến nghị kiểm toán

Báo cáo kiểm toán của CoA Rumani đã đưa ra hai kết luận quan trọng:

Thứ nhất, ghi nhận xu thế gia tăng chất lượng hoạt động và sự tin tưởng của người dân đối với hệ thống tàu điện ngầm thành phố Bucharest, bất chấp những khó khăn trong việc bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng và không được Chính phủ phê duyệt đủ tài chính cùng nguồn nhân lực;

Thứ hai, khoản trợ cấp từ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động này còn thiếu thốn và khó dự đoán.

Bên cạnh đó, cuộc kiểm toán cũng đưa ra một số kết quả liên quan đến: (1) chiến lược phát triển giao thông ngầm ở Bucharest, (2) vấn đề cấp tài chính cho các hoạt động, (3) phản ứng của người dân khi tăng thuế suất giao thông, (4) chậm tiến độ trong mở rộng mạng lưới tàu điện ngầm, (5) hoạt động và quản lý của các cơ sở, (6) sự hài lòng của hành khách đối với các dịch vụ được cung cấp (7) và những vấn đề liên quan đến các tình huống khẩn cấp.

Báo cáo kiểm toán của CoA Rumani đã đưa ra một số khuyến nghị, trong đó có các biện pháp và các bước thực hiện, như:

Đưa chiến lược của METROREX vào Kế hoạch tổng thể/ Chương trình/ Chiến lược Giao thông quốc gia đã được Chính phủ hay Quốc hội thông qua, nhằm đưa lại hiệu lực pháp lý cần thiết và đảm bảo khả năng dự báo nguồn vốn; Xác định các giải pháp để có thể đạt được mục tiêu đề ra; Phân tích và áp dụng biện pháp quản lý phù hợp mà các nhà hoạch định chính sách và nhân viên của

METROREX đã đưa ra; Thực hiện so sánh và phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, rủi ro) để xác định xem những hoạt động đã tiến hành trên thực tế có phù hợp với những điều được báo cáo và ghi nhận hay không, đồng thời kiến nghị cải thiện khuôn khổ pháp lý.

Tác động từ cuộc kiểm toán

Cuộc kiểm toán đã đem lại nhiều tác động lớn đối với người dân. Thông tin khách quan, đáng tin cậy về các vấn đề liên quan đã giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các bên tham gia chính. Cuộc kiểm toán cũng được xem như một đánh giá độc lập về hiệu suất của dịch vụ tàu điện ngầm công cộng ở Bucharest, cung cấp bằng chứng và khuyến nghị những điểm cần được cải thiện. Việc xác định những vấn đề cần cải thiện đã hỗ trợ việc cải cách và quản lý nhà nước một cách hiệu quả, cũng như giảm áp lực chi tiêu cho Chính phủ. Còn việc cung cấp các thông tin phù hợp sẽ tạo điều kiện cho quá trình thực hiện khuyến nghị về hoàn thiện khung pháp lý nhằm hỗ trợ hoạt động và tối ưu hóa, hiện đại hóa cũng như mở rộng hệ thống tàu điện ngầm.

Những khuyến nghị của CoA Rumani đã gợi mở các giải pháp chung cho vấn đề xây dựng một khuôn khổ pháp lý chính thức và hiệu quả; thúc đẩy việc thực hiện mục tiêu và thực hiện các đánh giá nội bộ một cách khách quan. Bên cạnh đó, cuộc kiểm toán còn giúp người dân và các bên liên quan hiểu được phương thức chi dùng ngân sách công, vì người dân cũng chính là những người nộp thuế. Nhờ công tác thông tin, truyền thông đại chúng được thực hiện tốt, cuộc kiểm toán này đã trở thành cầu nối, thu hẹp khoảng cách giữa người dân và các bên liên quan, đồng thời xây dựng một hình ảnh xác thực về dịch vụ công. Những ý kiến của giới truyền thông cũng tác động đáng kể đến các vấn đề đưa ra trong báo cáo kiểm toán.

Công tác giám sát quá trình thực hiện các kiến nghị, cũng như các biện pháp cải thiện về hoạt động giao thông tàu điện ngầm mà CoA Rumani đưa ra trong kết quả kiểm toán sẽ góp phần quan trọng trong việc tối ưu hóa, hiện đại hóa và mở rộng mạng lưới tàu điện ngầm, từ đó cải thiện chất lượng đời sống và giao thông cho người dân thủ đô Rumani.■

(Nguồn: Court of Auditors of Rumania và INTOSAI)

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Vẫn biết

*Vẫn biết chim ngàn yêu núi
Cánh bướm về chốn biển xa
Mây bay trên trời cao rộng
Bướm ong quẩn quýt lá hoa
Vẫn biết dòng sông chảy mãi
Nước xuôi đâu có về nguồn
Con thuyền tìm về bến đợi
Mặc người lữ khách chờ trông
Vẫn biết đôi đường cách trở
Người đi biệt phương trời
Vẫn mong một ngày gặp gỡ
Vẫn mơ được mãi yêu người ...*

NGUYỄN THỊ HẠNH LOAN

Gọi xuân

*Nụ hồng e ấp trong đài
Lòng xuân hối thúc ban mai cứ chờ
Gọi lòng – lòng cứ thờ ơ
Gọi người – người cứ tảng lờ như không
Để trắng mây gió sổ lồng
Nền giờ xa lữ lạnh phòng cô đơn.*

BÙI VŨ LIÊM

Với quê

*Ngõ là vện kiếp ba sinh
Nhớ câu lục bát mái đình cây đa
Địu dàng mở bảy mở ba
Lại thương ánh mắt mặn mà đông đưa*

*Hội làng tìm lại nét xưa
Trống rung cờ kiệu mờ mờ mưa rơi
Sân đình trống hội điểm rồi
Quên đi giông bão nhớ lời mẹ ru*

*Thương người xa xứ ngẩn ngơ
Ở nơi chớp bể sớm trưa mưa nguồn
Đằng sau câu hát nhớ thương
Nỗi đau côi thực lại vương côi tình*

TRỊNH MINH THUYẾT

